

Số: 47/NQ-HĐND

Bình Dương, ngày 10 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 6632/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị thông qua Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Tờ trình số 6822/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị thông qua bổ sung Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 127/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

1. Số lượng công trình, dự án đăng ký mới thực hiện trong năm 2025 là 63 công trình, dự án với tổng diện tích 3.172,9ha. Trong đó:

a) Công trình, dự án phải thu hồi đất là 62 công trình, dự án với tổng diện tích 3.172,86ha (Phụ lục I kèm theo).

b) Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 01 công trình, dự án, với diện tích 0,04ha (*Phụ lục II kèm theo*).

2. Đối với công trình, dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023, Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 và Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 23 tháng 8 năm 2024:

a) Chuyển tiếp thực hiện trong năm 2025 đối với 197 công trình, dự án theo hình thức thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa với tổng diện tích 2.268,68ha. Trong đó:

- Chuyển tiếp thực hiện trong năm 2025 đối với 168 công trình, dự án không phải điều chỉnh theo hình thức thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa với tổng diện tích 1.278,92ha (*Phụ lục III kèm theo*). Cụ thể:

+ Công trình, dự án thực hiện theo hình thức thu hồi đất là 155 công trình, dự án với tổng diện tích 1.207,71ha.

+ Công trình, dự án thực hiện theo hình thức chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 13 công trình, dự án với tổng diện tích 71,21ha.

- Chuyển tiếp thực hiện trong năm 2025 đối với 29 công trình, dự án có điều chỉnh về tên gọi, vị trí, diện tích, bổ sung thông tin diện tích đất trồng lúa với tổng diện tích điều chỉnh là 989,76ha (*Phụ lục IV kèm theo*).

b) Không chuyển tiếp thực hiện trong năm 2025 và đưa ra khỏi danh mục 99 công trình, dự án, với diện tích 770,77ha (*Phụ lục V kèm theo*).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTWQH;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh Bình Dương;
- Website, Báo, Đài PTTH Bình Dương;
- Các phòng thuộc Văn phòng, App, Web;
- Lưu: VT, Tn (4).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lộc

Phụ lục I
DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025 ĐĂNG KÝ MỚI
(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
A	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG	27	370,57	201,05	170,38				
I	Thành phố Thủ Dầu Một	4	263,25	197,99	65,26				
1	Khu đô thị sinh thái Chánh Mỹ (giai đoạn 2) Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và Đô thị	231,40	183,82	47,58	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 89, 90, 91, 94	Chánh Mỹ	Doanh nghiệp	Quyết định số 3045/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 của UBND tỉnh Bình Dương; Văn bản số 3062/UBND-KTN ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh v/v tiếp tục thực hiện dự án; Văn bản số 4700/UBND-KTN của UBND tỉnh v/v triển khai thực hiện theo hình thức thu hồi đất
2	Khu dân cư Võ Minh Đức	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Bất động sản Thành Nguyên	19,78	14,17	5,61	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 59, 60, 63, 64	Chánh Nghĩa	Doanh nghiệp	Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư Võ Minh Đức; Công văn số 31/2024/CV-TN ngày 14/8/2024 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Bất động sản Thành Nguyên về việc đăng ký thực hiện dự án trong năm 2025

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
3	Đầu tư xây dựng Trường Chính trị chuẩn tỉnh Bình Dương		8,46		8,46	Một phần thửa đất số 03 (số mới 01), tờ bản đồ số 24, 34 (số mới 132)	Hòa Phú	Ngân sách	Công văn số 5058/UBND-KT ngày 11/9/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thay đổi địa điểm xây dựng Trường Chính trị tỉnh
4	Dự án chỉnh trang đô thị và xây dựng khu lưu niệm cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc	Ban QLDA ĐTXD thành phố Thủ Dầu Một	3,61		3,61		Phú Cường	Ngân sách	Quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Báo cáo số 225/BC-UBND ngày 02/8/2024 của UBND tỉnh về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 vốn ngân sách nhà nước (Phụ lục 5, STT 49 - số vốn 1.500 triệu đồng)
II	Thành phố Tân Uyên	1	5,70	0,00	5,70				
1	Xây dựng nhà quản lý, tạm giữ xe vi phạm trật tự giao thông thành phố Tân Uyên	UBND thành phố Tân Uyên	5,70		5,70	Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 7; thửa đất số 1, tờ bản đồ số 8	Hội nghĩa	Ngân sách	Văn bản số 6589/UBND-KTTH ngày 22/11/2024 của UBND thành phố Tân Uyên về việc cập nhật, điều chỉnh lại loại đất, tên công trình thu hồi đất và trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung danh mục thu hồi đất; Văn bản số 2558/PTNMT-ĐĐ ngày 27/11/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
									phố Tân Uyên về nguồn gốc khu đất dự kiến thực hiện công trình; Biên bản số 31/BB-UBND ngày 26/10/2020 giữa UBND thành phố Tân Uyên và Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa
III	Thành phố Bến Cát	5	48,07	0,00	48,07				
1	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy Quân sự phường Chánh Phú Hoà	Ban QLDA ĐTXD TP. Bến Cát	0,60		0,60	Thửa đất số 1199, tờ bản đồ số 8	Chánh Phú Hoà	Ngân sách	Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của UBND thành phố Bến Cát về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án (thu hồi đất do UBND phường Chánh Phú Hoà quản lý, không phát sinh vốn bồi thường)
2	Xây dựng Trụ sở công an phường Tân Định	Ban QLDA ĐTXD TP. Bến Cát	0,29		0,29	Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 22	Tân Định	Ngân sách	Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND thành phố Bến Cát về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án (thu hồi đất do UBND phường Tân Định quản lý, không phát sinh vốn bồi thường)
3	Xây dựng Trụ sở BCH quân sự phường Tân Định	Ban QLDA ĐTXD TP. Bến Cát	0,78		0,78	Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 15	Tân Định	Ngân sách	Quyết định số 3123/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND thành phố Bến Cát về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án (thu hồi đất do UBND phường Tân Định quản lý, không phát sinh vốn bồi thường)

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
4	Đường dây 110kV trạm 220kV Bến Cát - Ascendas - An Tây	Cty Điện lực Bình Dương	0,15		0,15	Công trình dạng tuyến	An Điền	Doanh nghiệp	Văn bản số 2382/PCBD-QLDA ngày 27/5/2024 của Công ty Điện lực Bình Dương về việc đăng ký thực hiện dự án
5	Khu tái định cư công nghiệp An Tây trên địa bàn thị xã Bến Cát	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	46,25		46,25	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 21, 26	An Điền	Ngân sách	Quyết định số 3044/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chủ trương đầu tư dự án Khu tái định cư công nghiệp An Tây trên địa bàn thị xã Bến Cát
IV	Huyện Bàu Bàng	4	0,82	0,00	0,82				
1	Văn phòng áp 5	UBND huyện Bàu Bàng	0,30		0,30	Một phần thửa đất số 155, tờ bản đồ 13	Hung Hòa	Ngân sách	Theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của HĐND huyện Bàu Bàng về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 (STT III, a, 6: Vốn thực hiện dự án 50 triệu đồng)
2	Văn phòng áp 1	UBND huyện Bàu Bàng	0,31		0,31	Một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ 5	Hung Hòa	Ngân sách	Theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của HĐND huyện Bàu Bàng về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 (STT III, a, 5: Vốn thực hiện dự án 50 triệu đồng)
3	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân xã Hưng Hòa	UBND huyện Bàu Bàng	0,11		0,11	Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 18	Hung Hòa	Ngân sách	Dự án đã đầu tư xây dựng; bổ sung Danh mục thực hiện thủ tục thu hồi đất (phông phát sinh vốn bồi thường)

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
4	Công trình trạm biến áp 110kV Cồng Xanh và đường dây đầu nối	Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	0,10		0,10	Công trình dạng tuyến	Hưng Hòa	Doanh nghiệp	Công văn số 1707/UBND-KT ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận vị trí trạm biến áp 110kV Cồng Xanh và đường dây đầu nối
V	Huyện Phú Giáo	5	19,42	0,00	20,28				
1	Trụ sở văn phòng ấp Bình An	UBND xã An Bình	0,51		0,51	Thửa đất số 1006 (thửa gốc là 235, tờ 24), tờ bản đồ số 24	An Bình	Ngân sách	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 26/08/2024 của HĐND xã An Bình về chủ trương và bố trí vốn thực hiện dự án
2	Trụ sở văn phòng ấp Tân Thịnh	UBND xã An Bình	0,35		0,35	Thửa đất số 530 (thửa gốc là 100, tờ 49), tờ bản đồ số 49	An Bình	Ngân sách	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 26/08/2024 của HĐND xã An Bình về chủ trương và bố trí vốn thực hiện dự án
3	Nâng cấp BTNN đường hẻm 80 đường ĐT 741 Khu phố 6 TT Phước Vĩnh.	UBND TT Phước Vĩnh	0,16		0,16	Công trình dạng tuyến	Phước Vĩnh	Ngân sách	QĐ số 459/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND thị trấn Phước Vĩnh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án. Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 05/7/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Giáo về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 (vốn phân cấp thị trấn Phước Vĩnh: 3.451 triệu đồng)

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
4	Xây dựng mới cầu Ba Bi	Ban QLDA ĐTXD - PTQĐ huyện	0,12		0,12	Thửa đất số 64, tờ bản đồ số 37	An Bình	Ngân sách	Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND huyện Phú Giáo về việc phê duyệt dự án. Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 05/7/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Giáo về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 (vốn chuyển tiếp 70 triệu đồng)
5	Chỉnh trang suối Vàm Vá (đoạn từ cầu Lễ Trang đến cầu Vàm Vá)	Ban QLDA ĐTXD - PTQĐ huyện	19,14		19,14	Công trình dạng tuyến	Phước Vĩnh, Vĩnh Hòa	Ngân sách	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 05/7/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Giáo về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 (vốn thực hiện công tác đền bù 70.000 triệu đồng)
VI	Huyện Bắc Tân Uyên	8	33,31	3,06	30,25				
1	Nâng cấp, mở mới tuyến đường từ giáp đường Đất Cuốc 18 đến đường Tân Thành 64	BQLDA ĐTXD huyện	1,40	0,30	1,10	Công trình dạng tuyến	Đất Cuốc - Tân Thành	Ngân sách	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 25/7/2024 của HĐND huyện Bắc Tân Uyên về việc phê chuẩn dự kiến Kế hoạch Đầu tư công năm 2025 (Phụ lục - STT 4: Vốn thực hiện dự án 3.300 triệu đồng)
2	Nâng cấp BTN đường Tân Bình 05 (giai đoạn 3)	BQLDA ĐTXD huyện	1,13	0,68	0,45	Công trình dạng tuyến	Tân Bình	Ngân sách	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 25/7/2024 của HĐND huyện Bắc Tân Uyên về việc phê chuẩn dự kiến Kế hoạch Đầu tư công năm 2025 (Phụ lục - STT 8: Vốn thực hiện dự án 4.200 triệu đồng)

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
3	Nâng cấp BTXM đường Tân Định 22, Tân Định 35, Tân Định 26 - nhánh 3	BQLDA ĐTXD huyện	0,95	0,55	0,40	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 25/7/2024 của HĐND huyện Bắc Tân Uyên về việc phê chuẩn dự kiến Kế hoạch Đầu tư công năm 2025 (Phụ lục - STT 22: Vốn thực hiện dự án 3.150 triệu đồng)
4	Nâng cấp, mở rộng BTXM đường Tân Thành 25 (giai đoạn 2), Tân Thành 39 (giai đoạn 2) và BTN đường Tân Thành 36 (giai đoạn 2)	BQLDA ĐTXD huyện	1,20	0,80	0,40	Công trình dạng tuyến	Tân Thành	Ngân sách	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 25/7/2024 của HĐND huyện Bắc Tân Uyên về việc phê chuẩn dự kiến Kế hoạch Đầu tư công năm 2025 (Phụ lục - STT 27: Vốn thực hiện dự án 3.200 triệu đồng)
5	Nâng cấp, mở rộng BTXM đường Tân Lập 41, Tân Lập 33 (giai đoạn 1)	BQLDA ĐTXD huyện	0,85	0,10	0,75	Công trình dạng tuyến	Tân Lập	Ngân sách	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 25/7/2024 của HĐND huyện Bắc Tân Uyên về việc phê chuẩn dự kiến Kế hoạch Đầu tư công năm 2025 (Phụ lục - STT 32: Vốn thực hiện dự án 3.800 triệu đồng)
6	Mở mới đường từ Chiến khu D đến đường Đất Cuốc 19	BQLDA ĐTXD huyện	2,28		2,28	Công trình dạng tuyến	Đất Cuốc	Ngân sách	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Tân Uyên (STT 40, vốn thực hiện dự án 600 triệu đồng)

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
7	Nhà tập kết rác	UBND thị trấn Tân Thành	0,20		0,20	một phần thửa 11 tờ 32	Tân Thành	Ngân sách	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Tân Uyên (STT 18, vốn thực hiện dự án 423 triệu đồng)
8	San ủi, định hình tuyến đường dọc Sông Bé huyện Bắc Tân Uyên	BQLDA ĐTXD huyện	25,30	0,63	24,67	Công trình dạng tuyến	Hiếu Liêm, Tân Định	Ngân sách	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 25/7/2024 của HĐND huyện Bắc Tân Uyên về việc phê chuẩn dự kiến Kế hoạch Đầu tư công năm 2025 (Phụ lục - STT 34: Vốn thực hiện dự án 3.500 triệu đồng)
B	CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN THEO HÌNH THỨC ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ	16	3.146,23	268,80	2.877,43				
I	Thành phố Thủ Dầu Một	4	442,28	0,00	442,28				
1	Khu đô thị mới phường Tân An		336,00		336,00		Tân An	Đấu thầu thực hiện dự án	
2	Khu đô thị mới Chánh Nghĩa		13,50		13,50		Chánh Nghĩa	Đấu thầu thực hiện dự án	
3	Khu đô thị mới VĐ3-III (tên khác: Biệt thự Gia Thịnh)		45,50		45,50		Phú Thọ	Đấu thầu thực hiện dự án	

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
4	Khu đô thị ven sông Sài Gòn (tên khác: Khu đô thị ven sông Chánh Nghĩa)		47,28		47,28		Chánh Nghĩa	Đầu thầu thực hiện dự án	
II	Thành phố Dĩ An	1	32,50		32,50				
1	Khu đô thị mới Tân Bình		32,50		32,50	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ 12, 24, 25	Tân Bình	Đầu thầu thực hiện dự án	
III	Thành phố Tân Uyên	4	1.133,26	268,80	864,46				
1	Khu đô thị mới Uyên Hưng		299,00	90,30	208,70	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 49, 39, 40, 41, 2, 4, 5, 7, 8, 47, 16, 20, 26, 25, 52, 53, 47, 48, 52	Uyên Hưng	Đầu thầu thực hiện dự án	
2	Khu đô thị mới CT-1		255,56	115,00	140,56	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 20, 30, 37, 24, 26, 27, 31, 28	Tân Hiệp	Đầu thầu thực hiện dự án	
3	Khu đô thị mới VĐ4-III (Giai đoạn 1: Triển khai thực hiện diện tích 169,5ha) + Khu đô thị mới VĐ 4-VIII (Giai đoạn 1: Triển khai thực hiện diện tích 124,3ha)		293,80	63,50	230,30	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 7, 10, 11, 12, 13, 16, 17, 18, 19, 21, 22, 23, 24, 27, 28	Vĩnh Tân	Đầu thầu thực hiện dự án	

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
4	Khu đô thị mới VĐ4-III (Giai đoạn 2: Triển khai thực hiện diện tích 284,9ha)		284,90		284,90	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 22, 23, 24, 28, 29, 30, 33, 34, 37, 38	Vĩnh Tân	Đấu thầu thực hiện dự án	
IV	Huyện Phú Giáo	4	1.423,13	0,00	1.423,13				
1	Khu đất số 01		19,30		19,30	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 40	Tam Lập	Đấu thầu thực hiện dự án	
2	Khu đất số 02		25,00		25,00	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 56, 57	Phước Vĩnh	Đấu thầu thực hiện dự án	
3	Khu Công nghiệp - đô thị - dịch vụ		1.011,83		1.011,83	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 10, 25, 28, 29	Tân Long	Đấu thầu thực hiện dự án	
4	Khu đô thị mới CT-III		367,00		367,00	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 8, 9, 20, 21, 57	Phước Hòa	Đấu thầu thực hiện dự án	
V	Huyện Dầu Tiếng	3	115,06	0,00	115,06				

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
1	Khu Trung tâm Thương mại Dịch vụ Dân cư phía Bắc		60,90		60,90		Dầu Tiếng	Đấu thầu thực hiện dự án	
2	Khu Thương mại Dịch vụ Cầu Tàu ven sông Sài Gòn		4,16		4,16	Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 76	Dầu Tiếng	Đấu thầu thực hiện dự án	
3	Mở rộng nghĩa trang Định An		50,00		50,00		Định An	Đấu thầu thực hiện dự án	
C	CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT ĐỂ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	19	125,05	0,00	125,05				
1	Thành phố Thủ Dầu Một	7	4,39	0,00	4,39				
1	Khu Nhà kho của Tổng Công ty 3/2		0,88		0,88		Chánh Nghĩa	Đấu giá quyền sử dụng đất	
2	Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Bình Dương		2,66		2,66		Phú Hòa	Đấu giá quyền sử dụng đất	

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
3	Khu đất thuộc trụ sở Thanh tra Sở Xây dựng		0,04		0,04	Thửa đất số 113, tờ bản đồ 25	Chánh Nghĩa	Đấu giá quyền sử dụng đất	
4	Khu đất thuộc trụ sở Cục Hải quan tỉnh Bình Dương		0,26		0,26	Thửa đất số 12, tờ bản đồ 73	Chánh Nghĩa	Đấu giá quyền sử dụng đất	
5	Khu đất Chung cư Bạch Đằng		0,21		0,21		Phú Cường	Đấu giá quyền sử dụng đất	
6	Khu đất thuộc trụ sở Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Dương (trụ sở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũ và khu đất thuộc Trụ sở BHXH tỉnh cũ)		0,32		0,32	Một phần thửa đất số 02, 108 (cũ), tờ bản đồ số 74	Phú Lợi	Đấu giá quyền sử dụng đất	
7	Khu đất tiếp giáp Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương		0,02		0,02		Phú Lợi	Đấu giá quyền sử dụng đất	
II	Thành phố Thuận An	1	0,06	0,00	0,06				
1	Khu đất của Tổng công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu Bình Dương		0,06		0,06	Thửa đất số 668, 669, tờ bản đồ số 102	Vĩnh Phú	Đấu giá quyền sử dụng đất	
III	Thành phố Tân Uyên	6	22,90	0,00	22,90				

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
1	Khu đất thu hồi của Công ty TNHH KS và XD Bình Dương		6,80		6,80	Thửa đất số 1235, 1238 và một phần thửa 1236, tờ bản đồ số 21 và thửa đất số 829, tờ bản đồ số 28	Tân Hiệp	Đấu giá quyền sử dụng đất	
2	Khu đất thuộc thửa 05, 24 tờ bản đồ 35 (Đất của Thành ủy Tân Uyên)		4,71		4,71	Thửa đất số 5, 24; tờ bản đồ số 35	Uyên Hưng	Đấu giá quyền sử dụng đất	
3	Khu đất thu hồi của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đông Hòa, phường Khánh Bình		1,35		1,35	Thửa đất số 635, tờ bản đồ số 38; thửa đất số 771, tờ bản đồ số 39	Khánh Bình	Đấu giá quyền sử dụng đất	
4	Khu đất thu hồi của Công ty TNHH Bayer VN		3,90		3,90	Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 2	Uyên Hưng	Đấu giá quyền sử dụng đất	
5	Khu đất thu hồi của Công ty TNHH Khánh Hiệp tại phường Tân Hiệp		4,58		4,58	Thửa đất số 190, 192, tờ bản đồ số 12; thửa đất số 1577, tờ bản đồ số 17	Tân Hiệp	Đấu giá quyền sử dụng đất	
6	Khu đất thu hồi của Công ty Dệt Hanshin Vina		1,56		1,56	Thửa đất số 604, tờ bản đồ số 39	Khánh Bình	Đấu giá quyền sử dụng đất	
IV	Huyện Phú Giáo	5	97,70	0,00	97,70				
1	Mỏ đá xây dựng Tam lập		29,15		29,15	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 17, 18	Tam Lập	Đấu giá quyền sử dụng đất	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của UBND tỉnh

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
2	Mỏ đá xây dựng tại xã Tam lập		19,55		19,55	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 16, 17, 18, 40	Tam Lập	Đấu giá quyền sử dụng đất	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của UBND tỉnh
3	Mỏ đá xây dựng Phước Vĩnh		10,00		10,00	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 52, 58	Phước Vĩnh	Đấu giá quyền sử dụng đất	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của UBND tỉnh
4	Mỏ sét gạch gói Phước Hòa 2		20,00		20,00	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 39	Phước Hòa	Đấu giá quyền sử dụng đất	Giấy phép thăm dò 33/GP - UBND ngày 15/05/2018 của UBND tỉnh
5	Mỏ sét gạch ngói Bồ Lá 3		19,00		19,00	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 45, 46	Phước Hòa	Đấu giá quyền sử dụng đất	Giấy phép thăm dò 41/GP - UBND ngày 29/05/2018 của UBND tỉnh
	TỔNG (A+B+C)	62	3.641,85	469,85	3.172,86				

Phụ lục II
DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA
TRONG NĂM 2025 ĐĂNG KÝ MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
I	Thành phố Tân Uyên	1	2,81	2,77	0,04				
1	Khu nhà ở Đại Khánh Bình (Cty TNHH Đại Khánh Bình)	Công ty TNHH Đại Khánh Bình	2,81	2,77	0,04	Một phần thửa đất số 413, 433, tờ bản đồ số 40	Khánh Bình	Doanh nghiệp	Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh về việc cấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư dự án; Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của UBND thành phố Tân Uyên về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500)
	TỔNG	1	2,81	2,77	0,04				

Phụ lục III

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025 (KHÔNG ĐIỀU CHỈNH)

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
A	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT	1.458,74	251,03	1.207,71					
A.1	CÔNG TRÌNH CHƯA QUÁ 02 NĂM	551,18	11,41	539,77					
A.1.1	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG	98,69	11,41	87,28					
I	Thành phố Thủ Dầu Một	2,34	0,00	2,34					
1	Dự án khu nhà ở thương mại dịch vụ Sabinco-Tương Bình Hiệp	2,34		2,34	Dự án khu nhà ở thương mại dịch vụ Sabinco-Tương Bình Hiệp	Tương Bình Hiệp	Doanh nghiệp	Năm 2024	
II	Thành phố Thuận An	0,60	0,00	0,60					
1	Xây dựng đường LT.PKV-28 (Lái Thiêu 107) phường Lái Thiêu	0,60		0,60	Công trình dạng tuyến	Lái Thiêu	Xã hội hóa	Năm 2024	
III	Thành phố Dĩ An	4,97	4,22	0,75					
1	Dự án nút giao Sóng Thần	4,72	4,22	0,50	Công trình dạng tuyến	An Bình	Ngân sách	Năm 2024	
2	Đầu tư hoàn thiện hạ tầng Suối Lò Ô	0,25		0,25	Công trình dạng tuyến	Bình An	Ngân sách	Năm 2024	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
IV	Thành phố Tân Uyên	46,80	0,75	46,05					
1	Cảng Thạnh Phước	27,83		27,83	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 7, 10	Thạnh Phước	Doanh nghiệp	Năm 2024	
2	Trạm 110kV Khánh Bình 2 và ĐD 110kV Khánh Bình 2 - trạm 220kV Tân Uyên	0,60		0,60	Công trình dạng tuyến	Khánh Bình, Thạnh Phước	Doanh nghiệp	Năm 2024	
3	Trạm 110kV VSIP2 MR3 và đường dây 110kV VSIP2 MR3 - trạm 220kV Tân Định 2	0,50		0,50	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Tân	Doanh nghiệp	Năm 2024	
4	Trường tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B	0,94	0,75	0,19	Thửa đất số 648, 611, 568, tờ bản đồ số 25	Tân Vĩnh Hiệp	Ngân sách	Năm 2024	
5	Dự án nhà ở xã hội Tân Uyên	5,00		5,00	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 02	Hội Nghĩa	Doanh nghiệp	Năm 2024	
6	Dự án nhà ở xã hội	11,93		11,93	Thửa đất số 337, 330, 421, 420, 377, 2024, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 5, tờ bản đồ số 41	Khánh Bình	Doanh nghiệp	Năm 2024	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
V	Thành phố Bến Cát	29,64	5,37	24,27					
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 606 đến giáp vành đai Bắc Mỹ Phước	7,87	5,37	2,50	Công trình dạng tuyến	An Điền	Ngân sách	Năm 2024	
2	Công trình Xây dựng hạ tầng khu TTHC An Tây mở rộng (giai đoạn 1)	9,80		9,80	Thửa đất số 635, tờ bản đồ số 9	An Tây	Ngân sách	Năm 2024	
3	Công trình Xây dựng hạ tầng khu Trung tâm văn hoá công cộng phường Chánh Phú Hoà	11,40		11,40	Thửa đất số 336, 337, tờ bản đồ số 26	Chánh Phú Hoà	Ngân sách	Năm 2024	
4	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Mẫu giáo Phú An	0,57		0,57	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 13	Phú An	Ngân sách	Năm 2024	
VI	Huyện Bàu Bàng	0,30	0,00	0,30					
1	Văn phòng ấp 6	0,30		0,30	Một phần thửa đất số 216, tờ bản đồ số 13	Hung Hòa	Ngân sách	Năm 2024	
VII	Huyện Phú Giáo	3,37	1,07	2,30					
1	Tuyến đường Bàu Tròn 1 (điểm đầu từ công ty CP nông sản BNFL đến đất ông Thành)	0,85		0,85	Công trình dạng tuyến	Tân Hiệp	Xã hội hóa	Năm 2024	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm dăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
2	Đường Vàm Suối Cây Khô (từ nhà ông Sáu Phát đến trại heo bà Cúc)	0,63		0,63	Công trình dạng tuyến	Tam Lập	Ngân sách	Năm 2024	
3	Nâng cấp sỏi đỏ đường Bà Điếc nối dài Hố Cục (ấp Đồng Thông)	0,42		0,42	Công trình dạng tuyến	Phước Sang	Ngân sách	Năm 2024	
4	Nâng cấp đường BTNN đường từ Km0+814 đến KM1+481 đường Cao Lương, ấp Tân Bình	0,53	0,38	0,15	Công trình dạng tuyến	An Thái	Ngân sách	Năm 2024	
5	Nâng cấp, nối dài đường BTXM 06 tuyến đường ấp 4, ấp Phú Thịnh II	0,11	0,06	0,05	Công trình dạng tuyến	An Thái	Ngân sách	Năm 2024	
6	Nâng cấp BTNN đường Cao Lương, ấp Phú Thịnh I	0,65	0,49	0,16	Công trình dạng tuyến	An Thái	Ngân sách	Năm 2024	
7	Nâng cấp sỏi đỏ, nối dài đường 5 Mẫu (ấp 4)	0,18	0,14	0,04	Công trình dạng tuyến	An Thái	Ngân sách	Năm 2024	
VIII	Huyện Dầu Tiếng	2,39	0,00	2,39					
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.749A đi qua trung tâm xã Long Hòa	0,06		0,06	Công trình dạng tuyến	Long Hòa	Ngân sách	Năm 2024	
2	Đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hòa	1,71		1,71	Công trình dạng tuyến	Long Tân, An Lập, Thanh Tuyền, Thanh An	Ngân sách	Năm 2024	
3	Nâng cấp hạ tầng đô thị Bến súc (Tuyến đường N1, N2, N3, N4)	0,10		0,10	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 15, 19	Thanh Tuyền	Ngân sách	Năm 2024	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
4	Nâng cấp hạ tầng đô thị Minh Hoà	0,52		0,52	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 09, 10, 11, 12	Minh Hoà	Ngân sách	Năm 2024	
IX	Huyện Bắc Tân Uyên	8,28	0,00	8,28					
1	Dự án nhà ở xã hội Bắc Tân Uyên	5,00		5,00	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 31	Tân Thành	Doanh nghiệp	Năm 2024	
2	Bồi thường dự án mở rộng TTYT huyện Bắc Tân Uyên	0,70		0,70	Một phần thửa đất số 15, tờ bản đồ số 32	Tân Thành	Ngân sách	Năm 2024	
3	Công trình nâng cấp BTN đường Tân Thành 28	0,64		0,64	Công trình dạng tuyến	Tân Thành	Ngân sách	Năm 2024	
4	Công trình nâng cấp BTXM đường Tân Định 52 - nhánh 1	1,16		1,16	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Năm 2024	
5	Nâng cấp BTN tuyến đường giao thông từ giáp đường Tân Thành 62 đến đường Tân Thành 01	0,74		0,74	Công trình dạng tuyến	Tân Thành	Ngân sách	Năm 2024	
6	Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt cộng đồng xã Lạc An (Bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn Lư)	0,03		0,03	Thửa đất số 1569, tờ bản đồ số 33	Lạc An	Ngân sách	Năm 2024	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm dăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
7	Công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT.747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cồng Xanh (đoạn từ cầu Bình Cơ đến ngã ba Cồng Xanh)	0,01		0,01	Thửa đất số 5, tờ bản đồ số 49	Bình Mỹ	Ngân sách	Năm 2024	
A.1.2	CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN THEO HÌNH THỨC ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ	452,49	0,00	452,49					
I	Thành phố Tân Uyên	168,49	0,00	168,49					
1	Dự án: Tổ hợp giáo dục - đào tạo (Đại học, đào tạo nghề, trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học) - Giai đoạn 1	8,4ha <i>(trong đó có 7,83ha đất trồng lúa)</i>		8,4ha <i>(trong đó có 7,83ha đất trồng lúa)</i>	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 16	Thái Hòa	Đấu thầu thực hiện dự án	Năm 2024	
2	Dự án: Khu đô thị (giáo dục - công nghệ)	93,33		93,33	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 15, 16, 19, 20	Thái Hòa	Đấu thầu thực hiện dự án	Năm 2024	
3	Dự án: Khu đô thị Thái Hòa B	66,76		66,76	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 15, 16, 18	Thái Hòa	Đấu thầu thực hiện dự án	Năm 2024	
II	Thành phố Bến Cát	284,00	0,00	284,00					
1	Khu đô thị phía Bắc đường Vành đai 4	284,00		284,00	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 15, 16, 18, 19	An Tây	Đấu thầu thực hiện dự án	Năm 2024	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
A.2	CÔNG TRÌNH QUÁ 02 NĂM (ĐỊA PHƯƠNG GIẢI TRÌNH ĐANG THỰC HIỆN)	907,56	239,62	667,94					
I	Thành phố Thủ Dầu Một	6,25	0,00	6,25					
1	Mạch 2 đường dây 110kV Thuận An - Gò Đậu	0,20		0,20	Công trình dạng tuyến	Phú Thọ, Phú Hòa	Doanh nghiệp	Năm 2022	Đang trong quá trình thực hiện đo đạc, kiểm đếm để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng; thu hồi đất
2	Trạm 110kV Định Hòa và đường dây đầu nối	0,60		0,60	Công trình dạng tuyến	Định Hòa, Hòa Phú	Doanh nghiệp	Năm 2022	Đang trong quá trình thực hiện đo đạc, kiểm đếm để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng; thu hồi đất
3	Bảo tồn làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp	5,45		5,45	Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 52	Tương Bình Hiệp	Ngân sách + Xã hội hóa	Năm 2022	Ngày 09/10/2024, UBND thành phố Thủ Dầu Một ban hành Quyết định số 4642/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 dự án; đang triển khai thực hiện các bước tiếp theo
II	Thành phố Thuận An	45,80	0,00	45,80					

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
1	Đường PKV 21A (Đường vào Trung tâm VH-TDĐT)	0,63		0,63	Công trình dạng tuyến	Lái Thiêu	Ngân sách	Năm 2017	UBND thành phố Thuận An đã ban hành Quyết định thu hồi đất, đang chi trả bồi thường và thực hiện thu hồi đất
2	Xây dựng mới tuyến đường An Thạnh 63-64 (Đoạn từ Thủ Khoa Huân đến Hồ Văn Mên)	3,57		3,57	Công trình dạng tuyến	An Thạnh	Ngân sách	Năm 2017	UBND thành phố Thuận An đã ban hành kế hoạch thu hồi đất; đang triển khai thực hiện các bước tiếp theo
3	Xây dựng mới đường Hung Định 15	3,18		3,18	Công trình dạng tuyến	Hung Định	Ngân sách	Năm 2018	UBND thành phố Thuận An đã ban hành Quyết định thu hồi đất, đang chi trả bồi thường và thực hiện thu hồi đất
4	Bồi thường GPMB cho dự án xây dựng mới đường D4, N4 (đường vào Trường tiểu học Thuận Giao 2)	1,33		1,33	Công trình dạng tuyến	Thuận Giao	Ngân sách	Năm 2018	Đã ban hành kế hoạch thu hồi đất (Đã thu hồi trên 90%)
5	Xây dựng mới tuyến đường An Thạnh 51 (đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Thạnh Bình)	0,99		0,99	Công trình dạng tuyến	An Thạnh	Ngân sách	Năm 2019	UBND thành phố Thuận An đã ban hành Quyết định thu hồi đất, đang chi trả bồi thường và thực hiện thu hồi đất
6	Xây dựng mới hệ thống thoát nước hạ lưu đường Lê Thị Trung	3,75		3,75	Công trình dạng tuyến	Bình Chuẩn	Ngân sách	Năm 2019	UBND thành phố Thuận An đã ban hành Quyết định thu

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
									hồi đất, đang chi trả bồi thường và thực hiện thu hồi đất
7	Nâng cấp mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường dài liệt sĩ Tân Phước Khánh	9,70		9,70	Công trình dạng tuyến	Bình Chuẩn	Ngân sách	Năm 2019	Đã đo đạc, kiểm đếm; đang áp giá và chi trả bồi thường và thực hiện thu hồi đất
8	Xây dựng mới đường An Thạnh 24	3,06		3,06	Công trình dạng tuyến	An Thạnh	Ngân sách	Năm 2020	UBND thành phố Thuận An đã ban hành Quyết định thu hồi đất, đang chi trả bồi thường và thực hiện thu hồi đất
9	Xây dựng khu tái định cư An Thạnh, thành phố Thuận An	7,20		7,20	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 12	An Thạnh	Ngân sách	Năm 2020	UBND thành phố Thuận An đã ban hành Quyết định thu hồi đất, đang chi trả bồi thường và thực hiện thu hồi đất (Đang bồi thường >70%)
10	Nâng cấp đường dây 110kV Thuận An - Vsip 2 thành 2 mạch và phân pha 2x300m2 (phát sinh thu hồi đất trụ móng)	0,10		0,10	Công trình dạng tuyến	Bình Hoà	Doanh nghiệp	Năm 2020	Đã đo đạc, kiểm đếm; đang áp giá và chi trả bồi thường và thực hiện thu hồi đất
11	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Văn Lộ nói dài	0,40		0,40	Công trình dạng tuyến	Bình Nhâm	Ngân sách	Năm 2021	Đã đo đạc, kiểm đếm; đang áp giá và chi trả bồi thường và thực hiện thu hồi đất

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
12	Nâng cấp, mở rộng đường Bình Nhâm 40	0,50		0,50	Công trình dạng tuyến	Bình Nhâm	Ngân sách	Năm 2021	UBND thành phố Thuận An đã ban hành Quyết định thu hồi đất, đang chi trả bồi thường và thực hiện thu hồi đất
13	Nâng cấp, mở rộng đường Hưng Định 20	1,10		1,10	Công trình dạng tuyến	Hưng Định	Ngân sách	Năm 2021	UBND thành phố Thuận An đã ban hành Quyết định thu hồi đất, đang chi trả bồi thường và thực hiện thu hồi đất
14	Nâng cấp, mở rộng đường Bình Chuẩn 67	3,30		3,30	Công trình dạng tuyến	Bình Chuẩn	Ngân sách	Năm 2021	UBND thành phố Thuận An đã ban hành Quyết định thu hồi đất, đang chi trả bồi thường và thực hiện thu hồi đất
15	Đường dây 220kV Tân Sơn Nhất - Thuận An	1,00		1,00	Công trình dạng tuyến	Bình Hòa, Vĩnh Phú	Doanh nghiệp	Năm 2022	UBND thành phố Thuận An đã ban hành Quyết định thu hồi đất, đang chi trả bồi thường và thực hiện thu hồi đất
16	Mạch 2 đường dây 110kV Thuận An - Gò Đậu	0,35		0,35	Công trình dạng tuyến	Bình Hòa, Thuận Giao	Doanh nghiệp	Năm 2022	UBND thành phố Thuận An đã ban hành Quyết định thu hồi đất, đang chi trả bồi thường và thực hiện thu hồi đất

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm dăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
17	Xây dựng mới đường Nguyễn Chí Thanh nối dài (bổ sung nút giao với đường Vành Đai 3)	0,01		0,01	Công trình dạng tuyến	An Thạnh	Ngân sách	Năm 2023	UBND thành phố Thuận An đã ban hành Quyết định thu hồi đất, đang chi trả bồi thường và thực hiện thu hồi đất
18	Đường Thuận Giao 03 nối dài	0,08		0,08	Công trình dạng tuyến	Thuận Giao	Ngân sách	Năm 2023	UBND thành phố Thuận An đã ban hành Quyết định thu hồi đất, đang chi trả bồi thường và thực hiện thu hồi đất
19	Trục thoát nước Bung Bíp – Suối Cát: hạng mục cống qua đường Hồ Văn Mên trên kênh suối con	0,15		0,15	Công trình dạng tuyến	An Thạnh	Ngân sách	Năm 2023	UBND thành phố Thuận An đã ban hành Quyết định thu hồi đất, đang chi trả bồi thường và thực hiện thu hồi đất
20	Dự án Trung tâm Văn hóa Thể dục thể thao thị xã Thuận An	5,40		5,40		Lái Thiêu	Ngân sách	Năm 2023	Đang thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dự án
III	Thành phố Dĩ An	11,09	5,30	5,79					
1	Nâng cấp, mở rộng đường Tô Vĩnh Diện	1,79	1,71	0,08	Công trình dạng tuyến	Đông Hòa	Ngân sách	Năm 2018	Đã đo đạc, kiểm đếm; đang thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dự án

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm dăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
2	Nút giao thông công chính ĐHQG	0,31	0,08	0,23	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 6DH.6; 6DH.7	Đông Hòa	Ngân sách	Năm 2015	Đã đo đạc, kiểm đếm; đang thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dự án
3	Tuyến đường Vành đai Đông Bắc 2	5,59	3,51	2,08	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 5BA.3, 5BA.5, 6BA.16BA.2, 10BT, 6BT.36BT.1, 6BT	Bình An, Bình Thắng	Ngân sách	Năm 2020	Đã đo đạc, kiểm đếm; đang thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dự án
4	Trạm biến áp 110kV Bình Thung và nhánh rẽ đầu nối	0,45		0,45	Công trình dạng tuyến	Bình An	Doanh nghiệp	Năm 2022	Đang đo đạc, kiểm đếm thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; thu hồi đất
5	Trạm 110kV Tân Bình và đường dây đầu nối	0,50		0,50	Công trình dạng tuyến	Tân Bình	Doanh nghiệp	Năm 2022	Đang đo đạc, kiểm đếm thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; thu hồi đất
6	Đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài (đoạn đầu nối với Xa lộ Hà Nội)	0,50		0,50	Công trình dạng tuyến	Bình Thắng	Ngân sách	Năm 2023	Dự án đã được phê duyệt đơn giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất theo Quyết định số 6850/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND thành phố Dĩ An

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm dăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
7	Đường trục chính Đông Tây - Đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp đường Quốc lộ 1K (đoạn đầu nối Xa lộ Hà Nội)	0,50		0,50	Công trình dạng tuyến	Bình Thắng	Ngân sách	Năm 2023	Dự án đã được phê duyet đơn giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất theo Quyết định số 6851/QĐ- UBND ngày 06/11/2024 của UBND thành phố Đĩ An
8	Xây dựng đường trên kênh T4	1,45		1,45	Công trình dạng tuyến	Tân Đông Hiệp	Ngân sách	Năm 2021	Đã đo đạc, kiểm đếm; đang thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dự án
IV	Thành phố Tân Uyên	133,80	98,10	35,70					
1	Cụm công nghiệp Uyên Hưng	120,00	96,30	23,70	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 35, 36, 39, 40, 59	Uyên Hưng	Doanh nghiệp	Năm 2022	Đã thực hiện thu hồi đất và lập thủ tục thuê đất khoảng 10ha; đang triển khai thu hồi đất đối với phần diện tích còn lại
2	Đường dẫn vào trường THCS Tân Hiệp	0,25		0,25	Công trình dạng tuyến	Tân Hiệp	Ngân sách	Năm 2019	Đã phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình; đang thực hiện thủ tục thu hồi đất

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm dăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
3	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường Đài Liệt sỹ Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên	4,00	1,00	3,00	Công trình dạng tuyến	Tân Phước Khánh	Ngân sách	Năm 2020	Đã thu hồi 31.317,7 m ² /287 hộ gia đình, cá nhân, tổ chức; còn lại 4.491,4 m ² /21 hộ gia đình cá nhân, tổ chức chưa phê duyệt phương án. Dự kiến trong Quý II/2025 sẽ hoàn thành
4	Giải phóng mặt bằng thi công hạ lưu cống ngang Km 7+67 trên đường ĐT 747B (điểm đầu giáp ĐT 747B đến giáp mương Đầu Cùng)	0,25		0,25	Một phần thửa 571, 58, 62, 970, 117, 123, 144, tờ bản đồ số 38	Khánh Bình	Ngân sách	Năm 2021	Đang thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dự án
5	Nâng cấp BTNN và XD hệ thống thoát nước tuyến đường Lê Quý Đôn (ĐH 421), phường Uyên Hưng	1,33	0,80	0,53	Công trình dạng tuyến	Uyên Hưng	Ngân sách	Năm 2022	Đã phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; đang triển khai công tác đo đạc, xác định diện tích thu hồi. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong năm 2025

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm dăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
6	Trạm 110kV Thạnh Phước và ĐD 110kV trạm 110kV Thạnh Phước - trạm 220kV Tân Uyên	0,54		0,54	Công trình dạng tuyến	Thạnh Phước	Doanh nghiệp	Năm 2019	Đã ban hành Thông báo thu hồi đất 4.887,5m ² /8 hộ. Đã hoàn thành công tác đo đạc kiểm đếm. Đơn vị tư vấn đang rà soát, điều chỉnh Chứng thư thẩm định giá đất theo Nghị định số 12/2024/NĐ-CP. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong quý I/2025
7	Lộ ra 110kV Trạm 220kV Tân Uyên	0,42		0,42	Công trình dạng tuyến	Thái Hòa, Thạnh Phước	Doanh nghiệp	Năm 2020	Đã thu hồi 3.514,2m ² /83 hộ. Còn lại 792,3m ² /05 hộ chưa thu hồi (do thay đổi hướng tuyến từ trụ 16 đến trụ 21). Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong quý I/2025
8	Trạm biến áp 110kV Thường Tân và đường dây 110kV Uyên Hưng - Thường Tân	0,10		0,10	Công trình dạng tuyến	Uyên Hưng	Doanh nghiệp	Năm 2020	Đã tham mưu ban hành Thông báo thu hồi đất 835,4m ² /02 Tổ chức. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong quý I/2025

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
9	Trạm biến áp 110kV VSIP 2-MR2 và đường dây đầu nối	0,50		0,50	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Tân	Doanh nghiệp	Năm 2020	Đã ban hành Thông báo thu hồi đất 3.646m ² /03 hộ và 01 tổ chức. Đã hoàn thành công tác đo đạc, kiểm đếm đất và tài sản trên đất. Hội đồng thẩm định giá đang thẩm định Phương án giá đất để thực hiện bồi thường cho các hộ dân. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong quý I/2025
10	Cải tạo, mở rộng, nâng quy mô công suất (T3) trạm 110kV Khánh Bình	0,07		0,07	Công trình dạng tuyến	Khánh Bình	Doanh nghiệp	Năm 2022	Đã đo đạc, kiểm đếm; đang rà soát hướng tuyến dự án. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong Quý II/2025
11	Đường dây 220kV đầu nối Trạm biến áp 500kV Bình Dương 1 - rẽ Uyên Hưng - Sông Mây	0,58		0,58	Công trình dạng tuyến	Uyên Hưng	Doanh nghiệp	Năm 2022	Đang đo đạc, kiểm đếm (Văn bản số 5397/SPMB-PDB+PKH+PTD ngày 16/8/2024 của BQLDA các công trình điện Miền Nam đăng ký chuyển tiếp sang KHSDĐ năm 2025)

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm dăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
12	Xây dựng các hạng mục còn lại Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	0,06		0,06	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 12	Thái Hòa	Ngân sách	Năm 2019	- Đã phê duyệt nhiệm vụ khảo sát thiết kế; đang lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng dự án; - Đã ban hành Thông báo thu hồi đất 606,5m ² /01 hộ. Ngày 11/6/2024, Ban QLDA Đầu tư Khu vực thành phố có Tờ trình số 197/TTr-BQLDA trình UBND thành phố bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất. Dự kiến hoàn thành công tác thu hồi đất trong Quý I/2025
13	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dự kiến xây dựng trụ sở các ngành trên địa bàn thành phố Tân Uyên	2,44		2,44	Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35	Uyên Hưng	Ngân sách	Năm 2021	Đang thực hiện đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường, GPMB và thu hồi đất
14	Trụ sở làm việc của UBND phường Phú Chánh	1,08		1,08	Thửa đất số 249, 250, 261, 1263, tờ bản đồ số 11	Phú Chánh	Ngân sách	Năm 2022	Đã phê duyệt nhiệm vụ khảo sát thiết kế; đang triển khai thực hiện các bước tiếp theo

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm dăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
15	Xây dựng hoa viên Văn phòng các khu phố (Dư Khánh, Cây Chàm), phường Thạnh Phước	0,80		0,80	Một phần thửa đất số 307, 266 tờ bản đồ số 3; thửa đất số 302, 303, tờ bản đồ số 7; thửa đất số 145, tờ bản đồ số 15	Thạnh Phước	Ngân sách	Năm 2022	Đang thực hiện đo đạc, kiểm đếm, thu hồi đất. Dự kiến hoàn thành trong năm 2025
16	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Dư Khánh, phường Thạnh Phước	1,38		1,38	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 12	Thạnh Phước	Ngân sách	Năm 2021	Đang triển khai thực hiện (UBND thành phố Tân Uyên đã ban hành Quyết định số 5920/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án)
V	Thành phố Bến Cát	28,51	1,50	27,01					
1	Trạm biến áp 110kV Mỹ Phước 2 và đường dây đấu nối	0,60		0,60	Công trình dạng tuyến	Mỹ Phước	Doanh nghiệp	Năm 2023	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất
2	Trạm biến áp 220kV Tân Định 2 và đấu nối	2,60		2,60	Công trình dạng tuyến	Chánh Phú Hòa	Doanh nghiệp	Năm 2022	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
3	Trạm biến áp 220kV Bến Cát 2 và đầu nối và đường dây 220kV Chơn Thành - Bến Cát 2	7,50		7,50	Công trình dạng tuyến	An Điền	Doanh nghiệp	Năm 2021	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất
4	Đường dây 110kV đầu nối trạm 110kV Cheng Loong	0,14		0,14	Công trình dạng tuyến	An Tây, An Điền	Doanh nghiệp	Năm 2019	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất
5	Công trình Trạm biến áp 110kV Mỹ Phước 4 và ĐD đầu nối	0,45		0,45	Công trình dạng tuyến	Thới Hòa	Doanh nghiệp	Năm 2019	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất
6	Lộ ra 110kV trạm 220kV Bến Cát 2	0,77		0,77	Công trình dạng tuyến	An Điền, Thới Hòa	Doanh nghiệp	Năm 2019	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất
7	Công trình Trạm biến áp 110kV Mỹ Phước 3 và ĐD đầu nối.	0,45		0,45	Công trình dạng tuyến	Thới Hòa	Doanh nghiệp	Năm 2018	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất
8	Trường THCS Hoà Lợi	1,09		1,09	Thửa đất số 1PT2841, tờ bản đồ số 11	Thới Hòa	Ngân sách	Năm 2022	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất
9	Xây dựng hệ thống thoát nước theo ranh đất Trường ĐH Việt Đức	0,28		0,28	Công trình dạng tuyến	Thới Hòa	Ngân sách	Năm 2023	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm dăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
10	Xây dựng hệ thống thoát nước trên ĐT.744 đoạn qua xã An Tây và xã Phú An, thị xã Bến Cát	1,30		1,30	Công trình dạng tuyến	An Tây, Phú An	Ngân sách	Năm 2022	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất
11	Nâng cấp mở rộng đường ĐX.061	1,12		1,12	Công trình dạng tuyến	Hòa Lợi	Ngân sách	Năm 2023	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất
12	Xây dựng Cầu Đò mới qua sông Thị Tính	3,55		3,55	Công trình dạng tuyến	Mỹ Phước, An Điền	Ngân sách	Năm 2019	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất
13	Xây dựng hạ tầng Khu TTHC An Điền mở rộng (giai đoạn 1)	6,01		6,01	Thửa đất số 3977, 458, tờ bản đồ số 13, 7	An Điền	Ngân sách	Năm 2023	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất
14	Dự án mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ thị xã Bến Cát	2,60	1,50	1,10	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 9	Mỹ Phước	Ngân sách	Năm 2022	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất
15	Văn phòng khu phố 5 - Chánh Phú Hòa	0,05		0,05	Thửa đất số 3889, tờ bản đồ số 11	Chánh Phú Hòa	Ngân sách	Năm 2023	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm dăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
VI	Huyện Bàu Bàng	14,99	0,00	14,99					
1	Công trình gia cố chống sạt lở suối Đòn Gánh	0,60		0,60	Công trình dạng tuyến	Long Nguyên	Ngân sách	Năm 2023	<p>- Công trình đã được phê duyệt đơn giá đất để bồi thường thực hiện dự án (Quyết định số 2007/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND huyện Bàu Bàng về việc phê duyệt đơn giá đất để bồi thường thực hiện dự án).</p> <p>- Có bố trí vốn thực hiện trong năm 2025 (Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của HĐND huyện Bàu Bàng về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025: STT 10, b, I: 4.135 triệu đồng).</p>
2	Trung tâm văn hóa xã Trù Văn Thố	0,37		0,37	Thửa đất số 135, tờ bản đồ số 87	Trù Văn Thố	Ngân sách	Năm 2023	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
3	Nâng cấp BTXM đường từ Tây QL 13 đến QL 13 ấp 1 xã Trừ Văn Thố	1,20		1,20	Công trình dạng tuyến	Trừ Văn Thố	Ngân sách	Năm 2023	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất
4	Trạm biến áp 220kV Lai Uyên và đường dây đầu nối	5,59		5,59	Công trình dạng tuyến	Lai Uyên	Doanh nghiệp	Năm 2022	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất (Công văn số 2978/UBND-KT ngày 21/8/2024 của UBND huyện Bàu Bàng; Công văn số 5286/SPMB-PDB ngày 13/8/2024 của BQL DA các công trình điện miền Nam về việc đăng ký chuyển tiếp dự án)
5	Trạm biến áp 220kV Bến Cát 2 và đầu nối và Đường dây 220kV Chơn Thành - Bến Cát 2	0,90		0,90	Công trình dạng tuyến	Lai Hưng, Lai Uyên, Long Nguyên	Doanh nghiệp	Năm 2022	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
6	Nâng cấp bê tông nhựa nóng đường Bắc Bến Trượng (đường Lai Hưng 20 đoạn từ ngã 3 Văn phòng áp Bến Trượng đến ngã ba đường láng nhựa Viện Nghiên cứu cao su)	1,00		1,00	Công trình dạng tuyến	Lai Hưng	Ngân sách	Năm 2021	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất
7	Lộ ra 110kV trạm 220 kV Lai Uyên	0,28		0,28	Công trình dạng tuyến	Lai Uyên	Doanh nghiệp	Năm 2021	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất
8	Các lộ ra 110kV trạm biến áp 220kV Bến Cát	0,30		0,30	Công trình dạng tuyến	Lai Hưng	Doanh nghiệp	Năm 2021	Đã ban hành Quyết định thu hồi đất đối với 18 hồ sơ có móng trụ và 01 hồ sơ thu hồi hết đất. Đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (Đợt 4): QĐ 826/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND huyện Bàu Bàng về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
9	Đường dây 110kV trạm 110kV Thanh An - trạm 220kV Bến Cát	1,30		1,30	Công trình dạng tuyến	Long Nguyên, Lai Hưng	Doanh nghiệp	Năm 2020	Đã ban hành Thông báo thu hồi đất; Đang triển khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Quyết định số 2125/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND huyện Bàu Bàng v/v thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư)
10	Công trình đường dây 110kV từ trạm 220kV Bến Cát đến trạm 220kV Chơn Thành	1,00		1,00	Công trình dạng tuyến	Lai Hưng, Lai Uyên, Trừ Văn Thố	Doanh nghiệp	Năm 2020	Đang thực hiện (Công văn số 1911/UBND-KT ngày 5/6/2024 của UBND huyện Bàu Bàng về việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ công trình; Văn bản số 4837/ADLMN-QLCTĐ1 ngày 28/5/2024 của BQL Điện lực miền Nam về việc đăng ký chuyển tiếp thực hiện sang năm 2025)

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
11	Đường dây 220kV Chơn Thành - Bến Cát	1,25		1,25	Công trình dạng tuyến	Trừ Văn Thố, Lai Uyên, Lai Hưng	Doanh nghiệp	Năm 2019	Đã bàn giao mặt bằng. Tuy nhiên hiện còn 22 vị trí móng trụ và hành lang an toàn trên phần đất của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP mặc dù đã bàn giao mặt bằng nhưng chưa được phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ (CV 8412/CPMB-ĐB ngày 24/8/2024 của BQL DA các công trình điện miền Trung; CV 3146/UBND-KT ngày 4/9/2024 của UBND huyện Bàu Bàng)
12	Khu di tích ấp Bến Tượng	0,20		0,20	Thửa đất số 812, tờ bản đồ số 28	Lai Hưng	Ngân sách	Năm 2020	Đang đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường GPMB và thu hồi đất. Công trình bố trí vốn thực hiện trong năm 2025 (Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của HĐND huyện Bàu Bàng về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 (STT: 9, b, I: 1.000 triệu đồng)

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm dăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
13	Văn phòng ấp 4	0,30		0,30	Một phần thửa đất số 24, tờ bản đồ số 13	Hung Hòa	Ngân sách	Năm 2023	Đã ban hành Thông báo thu hồi đất (Thông báo số 133/TB-UBND ngày 6/5/2024 của UBND tỉnh Bình Dương để thực hiện dự án xây dựng mới Văn phòng ấp 4; Quyết định số 1715/QĐ-UBND ngày 25/6/2024 của UBND huyện Bàu Bàng v/v kiện toàn Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư)
14	Văn phòng ấp Cầu Sắt	0,10		0,10	Một phần thửa đất số 77, tờ bản đồ số 3	Lai Hưng	Ngân sách	Năm 2023	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành các thủ tục đất đai (Thông báo số 31/TB-QLĐT ngày 9/4/2024 của phòng Quản lý Đô thị kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình: Xây dựng mới Văn phòng ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng)

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
15	Văn phòng ấp 3	0,30		0,30	Một phần thửa đất số 136, tờ bản đồ số 25	Tân Hưng	Ngân sách	Năm 2022	Đã ban hành thông báo thu hồi đất, đang xây dựng phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư (Thông báo thu hồi đất số 132/TB-UBND ngày 6/5/2024 của UBND tỉnh Bình Dương để thực hiện dự án xây dựng mới Văn phòng ấp 3 tại xã Tân Hưng; Báo cáo số 107/BC-TTPTQĐ ngày 29/8/2024 thuyết minh v/v lập phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện công trình Xây mới VP ấp 3 xã Tân Hưng)
16	Văn phòng ấp 4	0,30		0,30	Một phần thửa đất số 5, tờ bản đồ số 26	Tân Hưng	Ngân sách	Năm 2022	Đã ban hành thông báo thu hồi đất, đang xây dựng phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư (Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 6/6/2024 của UBND huyện Bàu Bàng v/v thành lập hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư)

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm dăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
VII	Huyện Phú Giáo	548,28	134,30	413,98					
1	Đường tạo lực Bàu Bàng - Phú Giáo - Bắc Tân Uyên	139,30	134,30	5,00	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Hòa, Tam Lập, Phước Vĩnh, Phước Hòa, An Bình	Ngân sách	Năm 2018	Đã đo đạc, kiểm đếm; đang xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
2	Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn	397,37		397,37	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 31	Tân Long	Doanh nghiệp	Năm 2017	Đã ban hành Thông báo thu hồi đất; Chủ đầu tư đang thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư
3	Hệ thống thoát nước khu công nghiệp Tân Bình	0,38		0,38	Một số thửa đất thuộc tờ 38	Phước Hòa	Doanh nghiệp	Năm 2020	Đã đo đạc, kiểm đếm; đang xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
4	Trạm biến áp 110KV Tân Hiệp và đường dây đầu nối	1,20		1,20	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Hòa, Tam Lập, Phước Vĩnh	Doanh nghiệp	Năm 2019	Đang thực hiện xin chủ trương điều chỉnh vị trí trạm biến áp
5	Đường dây 110Kv Đồng Xoài - Phú Giáo	1,16		1,16	Công trình dạng tuyến	An Bình, Phước Vĩnh, Vĩnh Hòa	Doanh nghiệp	Năm 2021	Đã đo đạc, kiểm đếm; đang xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
6	Đường dây điện 220kV đầu nối Trạm biến áp 500kV Bình Dương 1 - rẽ Uyên Hưng - Sông Mỹ	2,12		2,12	Công trình dạng tuyến	An Bình, Tam Lập, Vĩnh Hòa, Phước Hòa	Doanh nghiệp	Năm 2021	Đang kiểm đếm, thiết lập bản vẽ, xây dựng giá đất

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm dăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
7	Đường tạo lực Bàu Bàng - Phú Giáo - Bắc Tân Uyên (Hạng mục khối lượng phát sinh nương dẫn hạ lưu)	1,10		1,10	Công trình dạng tuyến	Tam Lập, Tân Long, An Bình	Doanh nghiệp	Năm 2023	Đã đo đạc, kiểm đếm; đang xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
8	Tuyến đường Tân Hiệp 56 nối dài (điểm đầu từ đường Tân Hiệp 56 đến đất bà Thảo, ấp 6)	0,05		0,05	Công trình dạng tuyến	Tân Hiệp	Ngân sách	Năm 2023	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
9	Tuyến đường Đồi Đá nối dài (điểm đầu từ cuối đường Đồi Đá đến đường Tân Hiệp 58, ấp 6)	0,60		0,60	Công trình dạng tuyến	Tân Hiệp	Ngân sách	Năm 2023	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
10	Trung tâm văn hóa thể thao xã Phước Hòa	5,00		5,00	Một phần thửa đất số 90, tờ bản đồ số 57	Phước Hòa	Ngân sách	Năm 2023	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
VIII	Huyện Dầu Tiếng	52,82	0,00	52,82					
1	Khu Tái định cư Minh Hòa	0,21		0,21	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 12	Minh Hòa	Ngân sách	Năm 2023	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
2	Khu Tái định cư Thanh Tuyền	0,20		0,20	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 19	Thanh Tuyền	Ngân sách	Năm 2023	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm dăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
3	Nâng cấp đường GTNT (từ ĐH 713 đến ngã 3 nhà ông Nhảy, ấp Suối Cát (Thanh Tuyên 115); Từ nhà bà Dặng đến lô 46 NTCS An Lập, ấp Đường Long (Thanh Tuyên 84)	0,30		0,30	Công trình dạng tuyến	Thanh Tuyên	Ngân sách	Năm 2023	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
4	Nghĩa trang nhân dân Thị xã Bến Cát	18,80		18,80	Lô 37	An Lập	Ngân sách	Năm 2023	Đang thực hiện
5	Cảng thủy nội địa Thanh An	12,43		12,43	Tờ bản đồ số 08;17; 48, 50	Thanh An	Doanh Nghiệp	Năm 2023	Đang thực hiện
6	Đường dây 110kV trạm 110kV Thanh An - Trạm 220kv Bến Cát	0,90		0,90	Công trình dạng tuyến	Thanh An, Thanh Tuyên, An Lập	Doanh Nghiệp	Năm 2019	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
7	Hệ thống thoát nước bên ngoài ranh quy hoạch cụm công nghiệp An Lập	2,00		2,00	Công trình dạng tuyến	An Lập	Ngân sách	Năm 2020	Đang thực hiện
8	Nâng cấp, mở rộng đường vào Khu du lịch Lòng Hồ Dầu Tiếng	11,37		11,37	Công trình dạng tuyến	Định Thành	Ngân sách	Năm 2022	Đang thực hiện
9	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH - 704 (đoạn qua trung tâm xã Minh Tân)	6,61		6,61	Công trình dạng tuyến	Minh Tân	Ngân sách	Năm 2022	Đang thực hiện
IX	Huyện Bắc Tân Uyên	66,02	0,42	65,60					
1	Bồi thường, hỗ trợ di dời các hộ dân thuộc khu vực có nguy cơ sạt lở ven sông Đồng Nai	1,47	0,42	1,05	Công trình dạng tuyến	Lạc An, Tân Mỹ	Ngân sách	Năm 2019	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm dăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
2	Nâng cấp, mở rộng sợi đỡ đường Bình Mỹ 12	3,20		3,20	Công trình dạng tuyến	Bình Mỹ	Ngân sách	Năm 2021	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
3	Đường Đất Cuốc - Tân Mỹ	1,70		1,70	Công trình dạng tuyến	Đất Cuốc, Tân Mỹ	Ngân sách	Năm 2020	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
4	Trạm biến áp 110kV Thường Tân và đường dây 110kV Uyên Hưng - Thường Tân	0,60		0,60	Công trình dạng tuyến	Tân Mỹ	Doanh nghiệp	Năm 2020	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
5	TBA 110kV Cồng Xanh và đường dây đấu nối	0,40		0,40	Công trình dạng tuyến	Tân Bình	Doanh nghiệp	Năm 2020	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
6	Phân pha dây dẫn đường dây 110kV Trị An - Phú Giáo	0,30		0,30	Công trình dạng tuyến	Hiếu Liêm, Tân Định, Bình Mỹ	Doanh nghiệp	Năm 2020	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
7	Đường dây 110kV VSIP II MR1- VSIPII MR2	0,54		0,54	Công trình dạng tuyến	Tân Bình	Doanh nghiệp	Năm 2021	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
8	Lộ ra 110kV trạm 220kV Tân Định 2	0,28		0,28	Công trình dạng tuyến	Tân Bình	Doanh nghiệp	Năm 2021	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
9	Trường THPT Tân Bình	1,96		1,96	Một phần thửa đất số 14, 15, tờ bản đồ số 42	Tân Bình	Ngân sách	Năm 2021	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm dăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
10	Trạm biến áp 220kV Tân Định 2 và đầu nối	6,40		6,40	Công trình dạng tuyến	Tân Bình	Doanh nghiệp	Năm 2022	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
11	Trạm biến áp 220kV Bình Mỹ và đường dây đầu nối	4,74		4,74	Công trình dạng tuyến	Bình Mỹ; Tân Lập	Doanh nghiệp	Năm 2022	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
12	Trạm Y tế thị trấn Tân Thành (xây dựng mới)	0,32		0,32	Một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31	Tân Thành	Ngân sách	Năm 2023	Đang triển khai thực hiện, UBND huyện đã phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư và Kế hoạch thu hồi đất (TTPTQĐ: UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1293/QĐ- UBND ngày 04/5/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm hiện trạng dự án), UBND tỉnh ban hành thông báo thu hồi đất số 182 ngày 04/6/2024

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
13	Dự án xây dựng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	30,00		30,00	Công trình dạng tuyến	Thường Tân; Tân Mỹ	Ngân sách	Năm 2023	UBND huyện đã ban hành Thông báo thu hồi đất thực hiện dự án 05 đợt đối với: 128 hộ, 06 tổ chức (trong đó, xã Thường Tân: 49 hộ, 02 tổ chức; xã Tân Mỹ: 79 hộ, 04 tổ chức). Còn lại 24 hộ dân (xã Thường Tân: 02 hộ; xã Tân Mỹ: 22 hộ), Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đang rà soát trình đợt 6
14	Đầu tư xây dựng mới đường và cầu Vàm Tư	0,17		0,17	Công trình dạng tuyến	Bình Mỹ, Tân Định	Ngân sách	Năm 2019	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
15	Trạm biến áp 110kV VSIP2-MR2 và đường dây đấu nối	0,40		0,40	Công trình dạng tuyến	Bình Mỹ, Tân Lập	Doanh nghiệp	Năm 2020	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
16	TBA 110kV Tân Thành và đường dây 110kV Đất Cuốc - Tân Thành	1,06		1,06	Công trình dạng tuyến	Đất Cuốc, Tân Thành, Tân Lập	Doanh nghiệp	Năm 2021	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
17	Lộ ra 110kV trạm 220kV Bình Mỹ	0,60		0,60	Công trình dạng tuyến	Bình Mỹ, Tân Lập	Doanh nghiệp	Năm 2022	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
18	Bồi thường, hỗ trợ xây dựng Trường THCS Bình Mỹ	3,50		3,50	1 phần thửa 116 tờ bản đồ 52	Bình Mỹ	Ngân sách	Năm 2022	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
19	Chuyển đổi công năng hồ Đá Bàn (giai đoạn 1)	2,90		2,90	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 28	Tân Thành	Ngân sách	Năm 2022	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
20	Đường dây 500kV Bình Dương 1 - rẽ Sông Mây - Tân Định	2,88		2,88	Công trình dạng tuyến	Tân Mỹ, Tân Thành, Tân Định, Đất Cuốc, Lạc An	Doanh Nghiệp	Năm 2022	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
21	Đường dây đấu nối 220kV Trạm biến áp 500kV Bình Dương 1 - rẽ Uyên Hưng -Sông Mây	2,60		2,60	Công trình dạng tuyến	Tân Định, Bình Mỹ, Tân Lập	Doanh Nghiệp	Năm 2022	Đang đo đạc, kiểm đếm, xác định giá đất bồi thường và thu hồi đất
B	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA	404,78	334,19	71,21					
I	Thành phố Dĩ An	2,85	0,00	3,47					
1	Khu nhà ở kết hợp Trung tâm thương mại RiTa Võ	2,85		2,85	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 06, 07	Bình Thắng	Doanh nghiệp	Năm 2024	Đang thực hiện
2	Khu dân cư Công ty TNHH Phát triển Đông Bình Dương	0,62		0,62	Các thửa đất thuộc phạm vi dự án	Tân Bình	Doanh nghiệp	Năm 2023	Đang thực hiện
II	Huyện Bắc Tân Uyên	401,93	334,19	67,74					
1	Khu khai thác đá xây dựng (Công ty TNHH Phan Thanh)	21,00	18,50	2,50	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 25, 26, 31	Thường Tân	Doanh nghiệp	Năm 2023	Đang thực hiện

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã			
2	Khu khai thác đá xây dựng (Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Liên Hiệp)	24,64	24,59	0,05	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 26	Thường Tân	Doanh nghiệp	Năm 2023	Đang thực hiện
3	Khu khai thác đá xây dựng (Công ty TNHH Hóa An Tân Uyên)	32,40	27,84	4,56	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 15, 16, 23	Thường Tân	Doanh nghiệp	Năm 2023	Đang thực hiện
4	Khu khai thác đá xây dựng (Công ty TNHH SX VL XD Hưng Thịnh)	26,80	17,73	9,07	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 50, 59, 16, 51	Tân Mỹ	Doanh nghiệp	Năm 2023	Đang thực hiện
5	Khu xử lý rác thải (Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ)	78,55	73,68	4,87	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 43	Tân Mỹ	Doanh nghiệp	Năm 2023	Đang thực hiện
6	Khu khai thác đá xây dựng (Công ty CP Miền Đông)	17,96	8,01	9,95	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 59, 60, 50, 51, 6, 7	Tân Mỹ	Doanh nghiệp	Năm 2023	Đang thực hiện
7	Khu khai thác đá xây dựng (Công ty TNHH Bảo Thành)	33,68	24,38	9,30	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 10	Thường Tân	Doanh nghiệp	Năm 2023	Đang thực hiện
8	Khu khai thác đá xây dựng (Công ty CP XD Bình Dương)	46,30	38,20	8,10	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 24, 29, 30	Thường Tân	Doanh nghiệp	Năm 2023	Đang thực hiện
9	Khu khai thác đá xây dựng (Công ty CP đá Hoa Tân An)	69,30	59,50	9,80	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 24, 25, 30, 31	Thường Tân	Doanh nghiệp	Năm 2023	Đang thực hiện
10	Mở sét gạch ngói (HTX Phước Lộc)	12,00	11,96	0,04	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 4	Tân Bình	Doanh nghiệp	Năm 2023	Đang thực hiện
11	Dự án Mở đá xây dựng Thường Tân II (Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Long Sơn)	39,30	29,80	9,50	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 18, 26	Thường Tân	Doanh nghiệp	Năm 2023	Đang thực hiện
	TỔNG (A+B)	1.863,52	585,22	1.278,92					

Phụ lục IV

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025 (CÓ ĐIỀU CHỈNH VỀ TÊN GỌI, VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH, BỔ SUNG THÔNG TIN DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA)

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Trước điều chỉnh					Sau điều chỉnh					Chênh lệch (ha)
	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Năm đăng ký kế hoạch	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Nguồn vốn	
A	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT	989,55					977,72				-11,83
A.1	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT CÓ ĐIỀU CHỈNH VỀ TÊN GỌI, VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH	8,01					7,02				-0,99
I	Thành phố Thuận An	0,40					0,61				0,21
1	Trường mầm non Hoa Cúc 2	0,40	Thửa đất số 530, 705, 516, 529, 2276 tờ bản đồ số 5	Bình Nhâm	Năm 2022	Trường mầm non Hoa Cúc 2	0,61	Thửa 530, 531, 705, 516, 529, 2276; tờ bản đồ số 5	Bình Nhâm	Ngân sách	0,21
II	Thành phố Tân Uyên	0,50					0,66				0,16
1	Lộ 110kV trạm 220kV Tân Định 2	0,50	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Tân	Năm 2024	Lộ 110kV trạm 220kV Tân Định 2	0,66	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Tân	Doanh nghiệp	0,16
III	Huyện Phú Giáo	0,49					0,74				0,25

STT	Trước điều chỉnh					Sau điều chỉnh					Chênh lệch (ha)
	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Năm đăng ký kế hoạch	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Nguồn vốn	
1	Mở mới sỏi đổ đường hẻm 70 từ ĐH 507 đến đường đôi 125	0,28	Công trình dạng tuyến	An Thái	Năm 2024	Mở mới sỏi đổ đường hẻm 70 từ ĐH 507 đến đường đôi 125	0,48	Công trình dạng tuyến	An Thái	Ngân sách	0,20
2	Trạm biến áp 110KV Công Xanh và đường dây đầu nối	0,21	Công trình dạng tuyến	Phước Hòa	Năm 2021	Trạm biến áp 110KV Công Xanh và đường dây đầu nối	0,26	Công trình dạng tuyến	Phước Hòa	Doanh nghiệp	0,05
IV	Huyện Dầu Tiếng	6,09					4,42				-1,67
1	Trường Trung học phổ thông Thanh Tuyên	3,09	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 19	Thanh Tuyên	2023	Trường Trung học phổ thông Thanh Tuyên	3,09	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 47	Thanh Tuyên	Ngân sách	0,00
2	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT744 (đoạn từ Km24+460 đến ngã tư Cầu Cát)	1,00	Công trình dạng tuyến	Thanh Tuyên; Thanh An; Dầu Tiếng	2022	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT744 (đoạn từ Km24+460 đến ngã tư Cầu Cát)	0,09	Công trình dạng tuyến	Thanh Tuyên; Thanh An; Dầu Tiếng	Ngân sách	-0,91
3	Nâng cấp sỏi đổ đường GTNT (từ đất ông Sơn đến giáp ranh đường Hồ Chí Minh) ấp Công Queo, xã Long Tân	0,55	Công trình dạng tuyến	Long Tân	2022	Nâng cấp sỏi đổ đường GTNT (từ đất ông Sơn đến giáp ranh đường Hồ Chí Minh) ấp Công Queo, xã Long Tân	0,35	Công trình dạng tuyến	Long Tân	Ngân sách	-0,20

STT	Trước điều chỉnh					Sau điều chỉnh					Chênh lệch (ha)
	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Năm đăng ký kế hoạch	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Nguồn vốn	
4	Nâng cấp đường GTNT từ ĐH 716 đến nhà ông Phong ấp Bờ Càng, xã Long Tân	0,35	Công trình dạng tuyến	Long Tân	2023	Nâng cấp đường GTNT từ ĐH 716 đến nhà ông Phong ấp Bờ Càng, xã Long Tân	0,10	Công trình dạng tuyến	Long Tân	Ngân sách	-0,25
5	Nâng cấp BTN đường GTNT từ ĐH 716 đến nhà ông Liêm ấp Bờ Càng, xã Long Tân	0,06	Công trình dạng tuyến	Long Tân	2023	Nâng cấp BTN đường GTNT từ ĐH 716 đến nhà ông Liêm ấp Bờ Càng, xã Long Tân	0,03	Công trình dạng tuyến	Long Tân	Xã hội hóa	-0,03
6	Sửa chữa, dặm vá tuyến đường GTNT từ ĐT 749D đến nhà bà Ngân ấp Bờ Càng, xã Long Tân	0,12	Công trình dạng tuyến	Long Tân	2023	Sửa chữa, dặm vá tuyến đường GTNT từ ĐT 749D đến nhà bà Ngân ấp Bờ Càng, xã Long Tân	0,10	Công trình dạng tuyến	Long Tân	Ngân sách	-0,02
7	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT Long Tân 71 (đoạn từ ĐH 716 đến đất ông Phàng ấp Hố Đá, xã Long Tân	0,16	Công trình dạng tuyến	Long Tân	2023	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT Long Tân 71 (đoạn từ ĐH 716 đến đất ông Phàng ấp Hố Đá, xã Long Tân	0,15	Công trình dạng tuyến	Long Tân	Ngân sách	-0,01

STT	Trước điều chỉnh					Sau điều chỉnh					Chênh lệch (ha)
	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Năm đăng ký kế hoạch	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Nguồn vốn	
8	Nâng cấp bê tông nhựa đường GTNT từ ĐT 749A đến nhà ông Châu ấp Long Chiêu, xã Long Tân	0,15	Công trình dạng tuyến	Long Tân	2023	Nâng cấp bê tông nhựa đường GTNT từ ĐT 749A đến nhà ông Châu ấp Long Chiêu, xã Long Tân	0,10	Công trình dạng tuyến	Long Tân	Ngân sách	-0,05
9	Nâng cấp, bê tông nhựa đường GTNT (từ ĐT 749A đến nhà ông Thành) ấp Công Quẹo, xã Long Tân	0,06	Công trình dạng tuyến	Long Tân	2023	Nâng cấp, bê tông nhựa đường GTNT (từ ĐT 749A đến nhà ông Thành) ấp Công Quẹo, xã Long Tân	0,02	Công trình dạng tuyến	Long Tân	Ngân sách	-0,04
10	Nâng cấp, bê tông nhựa đường GTNT (từ ĐT 749D đến nhà ông Nguyễn) ấp Vũng Tây, xã Long Tân	0,20	Công trình dạng tuyến	Long Tân	2023	Nâng cấp, bê tông nhựa đường GTNT (từ ĐT 749D đến nhà ông Nguyễn) ấp Vũng Tây, xã Long Tân	0,16	Công trình dạng tuyến	Long Tân	Ngân sách	-0,04
11	Nâng cấp, bê tông nhựa đường GTNT (từ ĐT 749A đến Lô 27) ấp Long Chiêu, xã Long Tân	0,20	Công trình dạng tuyến	Long Tân	2023	Nâng cấp, bê tông nhựa đường GTNT (từ ĐT 749A đến Lô 27) ấp Long Chiêu, xã Long Tân	0,18	Công trình dạng tuyến	Long Tân	Ngân sách	-0,02

STT	Trước điều chỉnh					Sau điều chỉnh					Chênh lệch (ha)
	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Năm đăng ký kế hoạch	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Nguồn vốn	
12	Nâng cấp sợi đo đường GTNT (từ ĐT 749D đến nhà ông Tiên) ấp Hóc Măng, xã Long Tân	0,15	Công trình dạng tuyến	Long Tân	2023	Nâng cấp sợi đo đường GTNT (từ ĐT 749D đến nhà ông Tiên) ấp Hóc Măng, xã Long Tân	0,05	Công trình dạng tuyến	Long Tân	Ngân sách	-0,10
V	Huyện Bắc Tân Uyên	0,53					0,59				0,06
1	Trạm 110kV Bình Mỹ và đường dây đầu nối	0,53	Công trình dạng tuyến	Bình Mỹ	Năm 2022	Trạm 110kV Bình Mỹ và đường dây đầu nối	0,59	Công trình dạng tuyến	Bình Mỹ	Doanh nghiệp	0,06
A.2	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT CÓ BỔ SUNG THÔNG TIN DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA	981,54					970,70				-10,84
I	Thành phố Dĩ An	30,00					30,00				0,00
1	Khu tái định cư Tân Bình	30,00	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số DC8; DC9	Tân Bình	Năm 2024	Khu tái định cư Tân Bình	30ha (trong đó có 22,71ha đất trồng lúa)	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số DC8; DC9	Tân Bình	Ngân sách	0,00
II	Thành phố Tân Uyên	160,89					160,89				0,00

STT	Trước điều chỉnh					Sau điều chỉnh					Chênh lệch (ha)
	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Năm đăng ký kế hoạch	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Nguồn vốn	
1	Cải thiện môi trường nước tỉnh Bình Dương (khu vực thành phố Tân Uyên)	12,25	Tờ bản đồ số 48 và công trình dạng tuyến	Uyên Hưng, Tân Phước Khánh, Khánh Bình, Thạnh Phước, Tân Hiệp, Tân Vĩnh Hiệp	Năm 2023	Cải thiện môi trường nước tỉnh Bình Dương (khu vực thành phố Tân Uyên)	12,25ha (trong đó có 11,46ha đất trồng lúa)	Tờ bản đồ số 48 và công trình dạng tuyến	Uyên Hưng, Tân Phước Khánh, Khánh Bình, Thạnh Phước, Tân Hiệp, Tân Vĩnh Hiệp	Doanh nghiệp	0,00
2	Dự án nạo vét, gia cố Suối Cái đoạn từ cầu Thọ Ụt đến sông Đồng Nai	146,99	Công trình dạng tuyến	Phú Chánh, Vĩnh Tân, Tân Hiệp, Khánh Bình, Tân Vĩnh Hiệp, Tân Phước Khánh, Thái Hòa, Thạnh Phước	Năm 2021	Dự án nạo vét, gia cố Suối Cái đoạn từ cầu Thọ Ụt đến sông Đồng Nai	146,99ha (trong đó có 81,33ha đất trồng lúa)	Công trình dạng tuyến	Phú Chánh, Vĩnh Tân, Tân Hiệp, Khánh Bình, Tân Vĩnh Hiệp, Tân Phước Khánh, Thái Hòa, Thạnh Phước	Ngân sách	0,00

STT	Trước điều chỉnh					Sau điều chỉnh					Chênh lệch (ha)
	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Năm đăng ký kế hoạch	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Nguồn vốn	
3	Trung tâm văn hóa thể thao phường Thạnh Phước	1,65	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 11	Thạnh Phước	Năm 2023	Trung tâm văn hóa thể thao phường Thạnh Phước	1,65ha <i>(trong đó có 1,65ha đất trồng lúa)</i>	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 11	Thạnh Phước	Ngân sách	0,00
II	Thành phố Bến Cát	790,65					779,81				-10,84
1	Dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực thị xã Bến Cát (KH2018: Quy hoạch khu XLNT 7ha)	15,00	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 4, 5	Thới Hòa	Năm 2018	Dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Bến Cát, tỉnh Bình Dương	15,5ha <i>(trong đó có 12,37ha đất trồng lúa)</i>	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 4, 5	Thới Hòa	Doanh nghiệp	0,50
2	Dự án đường ven sông Thị Tính (đoạn từ ĐH 606 đến ranh dự án khu dân cư Cầu Đò) và khu công viên ven sông Thị Tính dọc theo khu dân cư Cầu Đò	0,45	Công trình dạng tuyến	An Điền	Năm 2019	Dự án đường ven sông Thị Tính (đoạn từ ĐH 606 đến ranh dự án khu dân cư Cầu Đò) và khu công viên ven sông Thị Tính dọc theo khu dân cư Cầu Đò	4,71ha <i>(trong đó có 0,09ha đất trồng lúa)</i>	Công trình dạng tuyến	An Điền	Ngân sách	4,26

STT	Trước điều chỉnh					Sau điều chỉnh					Chênh lệch (ha)
	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Năm đăng ký kế hoạch	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Nguồn vốn	
3	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 748 (đoạn từ giáp giao lộ Ngã tư Phú Thứ đến vành đai Bắc thị trấn Mỹ Phước)	48,20ha (trong đó có 0,8ha đất trồng lúa)	Công trình dạng tuyến	An Điền, Phú An	Năm 2020	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 748 (đoạn từ giáp giao lộ Ngã tư Phú Thứ đến vành đai Bắc thị trấn Mỹ Phước)	32,6ha (trong đó có 0,8ha đất trồng lúa)	Công trình dạng tuyến	An Điền, Phú An	Ngân sách	-15,60
4	Xây dựng ICD – Cảng sông An Tây	100,00	Khu quy hoạch Cảng	An Tây	Năm 2021	Cảng tổng hợp An Tây	100ha (trong đó có 70ha đất trồng lúa)	Khu quy hoạch Cảng	An Tây	Đầu thầu thực hiện dự án	0,00
5	Khu đô thị Bắc An Tây	70,00	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 43, 44, 49, 50	An Tây	Năm 2023	Khu đô thị Bắc An Tây	70ha (trong đó có 0,12ha đất trồng lúa)	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 43, 44, 49, 50	An Tây	Đầu thầu thực hiện dự án	0,00
6	Khu đô thị Đông An Tây	289,00	Các thửa đất thuộc các tờ bản đồ số 49, 50, 54, 55, 58, 59 xã An Tây; tờ 10, 11, 18, 19 xã Phú An	An Tây, Phú An	Năm 2023	Khu đô thị Đông An Tây	289ha (trong đó có 189,33ha đất trồng lúa)	Các thửa đất thuộc các tờ bản đồ số 49, 50, 54, 55, 58, 59 xã An Tây; tờ 10, 11, 18, 19 xã Phú An	An Tây, Phú An	Đầu thầu thực hiện dự án	0,00

STT	Trước điều chỉnh					Sau điều chỉnh					Chênh lệch (ha)
	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Năm đăng ký kế hoạch	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Nguồn vốn	
7	Khu đô thị Tây An Tây	268,00	Các thửa đất thuộc các tờ bản đồ số 48, 49, 53, 54, 57, 58, 60, 61 xã An Tây; tờ 19, 26 xã Phú An	An Tây, Phú An	Năm 2023	Khu đô thị Tây An Tây	268ha (trong đó có 148,04ha đất trồng lúa)	Các thửa đất thuộc các tờ bản đồ số 48, 49, 53, 54, 57, 58, 60, 61 xã An Tây; tờ 19, 26 xã Phú An	An Tây, Phú An	Đầu thầu thực hiện dự án	0,00
B	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA ĐANG THỰC HIỆN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN TIẾP CÓ ĐIỀU CHỈNH TÊN, VỊ TRÍ, QUY MÔ DIỆN TÍCH	6,30					12,04				5,74
I	Thành phố Dĩ An	6,30					12,04				5,74
1	Dự án Trung tâm Logistics Dĩ An - Giai đoạn 2	6,30	Các thửa đất thuộc phạm vi dự án	Bình An, Bình Thắng	Năm 2024	Dự án Trung tâm Logistics Dĩ An - Giai đoạn 2	12,04	Các thửa đất thuộc phạm vi dự án	Bình An, Bình Thắng	Doanh nghiệp	5,74
	TỔNG	995,85					989,76				-6,09

Phụ lục V
DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ THÔNG QUA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN (LOẠI BỎ)

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã	
A	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ CHỦ ĐỘNG LOẠI BỎ	84,97	9,24	80,80			
A.1	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHƯA QUÁ 02 NĂM	15,27	8,04	12,30			
I	Thành phố Thuận An	0,09	0,00	0,09			
1	Xây dựng mới văn phòng khu phố 2	0,09		0,09		An Phú	Ngân sách
II	Thành phố Tân Uyên	0,67	0,00	0,67			
1	Khu nhà ở xã hội Tân Thành	0,67		0,67	Thửa 123, 124, 126, 127, 128, 383, 552 tờ 6	Tân Phước Khánh	Doanh nghiệp
III	Thành phố Bến Cát	5,07	0,00	5,07			
1	Nâng cấp BTNN tuyến đường Quốc lộ 13 (Chùa Tổ) - 5 Nhon, KP4, Tân Định	0,10		0,10	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách
2	Nâng cấp BTNN tuyến đường từ Quốc lộ 13 (bà 6 Tông) đến ĐT 741, P. Tân Định	0,10		0,10	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách
3	Nâng cấp BTNN tuyến đường Ba Re đến đường Mỹ Phước Tân Vạn, KP2, P. Tân Định	0,10		0,10	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách
4	Nâng cấp BTNN tuyến đường 5 Tới đến nhà ông 7 Đực, KP1, Tân Định	0,10		0,10	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách
5	Nâng cấp BTNN tuyến đường từ nhà ông Phong đến giáp KP4 phường Hoà Phú - TDM, KP Bến Đồn, P. Hoà Lợi	0,10		0,10	Công trình dạng tuyến	Hòa Lợi	Ngân sách

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã	
6	Nâng cấp BTNN tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Xuân đến nhà ông Đức, KP An Hoà, An Lợi, P.Hoà Lợi	0,10		0,10	Công trình dạng tuyến	Hòa Lợi	Ngân sách
7	Nâng cấp tuyến đường Út Dũng - 6 Hợp, ấp Phú Thứ, X.Phú An	0,19		0,19	Công trình dạng tuyến (tờ 14)	Phú An	Ngân sách
8	Nâng cấp tuyến đường ông Chu - ông 6 Hợp, ấp Bến Liễu, X.Phú An	0,20		0,20	Công trình dạng tuyến (tờ 7)	Phú An	Ngân sách
9	Nâng cấp tuyến đường bà Muội - bà Sáu, ấp Phú Thứ, X.Phú An	0,20		0,20	Công trình dạng tuyến (tờ 22)	Phú An	Ngân sách
10	Nâng cấp BTNN tuyến đường từ ĐT741 Lò Bánh Mì đến giáp ranh giới phường Hòa Lợi, khu phố 9, phường Chánh Phú Hòa	0,10		0,10	Công trình dạng tuyến	Chánh Phú Hòa	Ngân sách
11	Nâng cấp BTNN tuyến đường liên khu phố 2-8 từ Lộ 7B ruộng làng đến giáp đường NE 4 và nhánh rẽ giáp nhà bà 2 Cành, KP 2-8, P.Chánh Phú Hoà	0,10		0,10	Công trình dạng tuyến	Chánh Phú Hòa	Ngân sách
12	Cải tạo nâng cấp BTNN tuyến đường từ ĐH605 (nhà ông 8 Cựu) đến giáp ĐH605 (nhà ông Út đầu Quăn), khu phố 4, phường Chánh Phú Hòa.	2,70		2,70	Công trình dạng tuyến	Chánh Phú Hòa	Ngân sách
13	Cải tạo nâng cấp BTNN tuyến đường từ ĐT741 (nhà bà Măng) đến giáp Lộ 7B (nhà thầy giáo Vinh), khu phố 1A, phường Chánh Phú Hòa	0,30		0,30	Công trình dạng tuyến	Chánh Phú Hòa	Ngân sách
14	Nâng cấp BTNN đường từ ĐT748 đến ngã tư Tiền Giang ấp An Mỹ, xã An Điền	0,51		0,51	Công trình dạng tuyến	An Điền	Ngân sách
15	Nâng cấp tuyến đường từ ĐT 748 đến sông Thị Tính (8 Lứu ấp Kiên Điền), xã An Điền	0,17		0,17	Công trình dạng tuyến	An Điền	Ngân sách
III	Huyện Bắc Tân Uyên	14,51	8,04	6,47			
1	Nâng cấp, mở rộng BTXM đường Tân Bình 27, Tân Bình 49	0,74	0,42	0,32	Công trình dạng tuyến	Tân Bình	Ngân sách

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã	
2	Nâng cấp, mở rộng BTXM đường Tân Bình 34, Tân Bình 55	0,65	0,37	0,28	Công trình dạng tuyến	Tân Bình	Ngân sách
3	Nâng cấp, mở rộng BTN đường Tân Bình 05 (giai đoạn 2)	0,96	0,60	0,36	Công trình dạng tuyến	Tân Bình	Ngân sách
4	Nâng cấp, mở rộng BTXM đường Tân Thành 17, Tân Thành 26, Tân Thành 42, Tân Thành 52, Tân Thành 56	1,12	0,67	0,45	Công trình dạng tuyến	Tân Thành	Ngân sách
5	Nâng cấp, mở rộng BTXM đường Tân Thành 14, Tân Thành 53, Tân Thành 57, Tân Thành 59	1,05	0,63	0,42	Công trình dạng tuyến	Tân Thành	Ngân sách
6	Nâng cấp, mở rộng BTXM đường Tân Định 08	0,21	0,15	0,06	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách
7	Nâng cấp, mở rộng BTN đường Tân Định 37 (giai đoạn 1)	1,42	0,76	0,66	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách
8	Nâng cấp, mở rộng BTXM đường Bình Mỹ 66, Bình Mỹ 71	1,42	0,76	0,66	Công trình dạng tuyến	Bình Mỹ	Ngân sách
9	Nâng cấp, mở rộng BTXM đường Tân Lập 13, Tân Lập 21, Tân Lập 23	0,62	0,43	0,19	Công trình dạng tuyến	Tân Lập	Ngân sách
10	Nâng cấp, mở rộng BTN đường Hiếu Liêm 15 (giai đoạn 1)	1,64	1,22	0,42	Công trình dạng tuyến	Hiếu Liêm	Ngân sách
11	Nâng cấp, mở rộng BTN đường Đất Cuốc 14 (giai đoạn 1)	1,06	0,50	0,56	Công trình dạng tuyến	Đất Cuốc	Ngân sách
12	Nâng cấp, mở rộng BTXM đường Thường Tân 26, Thường Tân 02- nhánh 1, Thường Tân 17	0,67	0,38	0,29	Công trình dạng tuyến	Thường Tân	Ngân sách
13	Nâng cấp, mở rộng đường Tân Lập 02 (giai đoạn 3)	0,36	0,18	0,18	Công trình dạng tuyến	Tân Lập	Ngân sách
14	Nâng cấp, mở rộng BTXM đường Lạc An 01, Lạc An 07, Lạc An 34, Lạc An 40, Lạc An 57 (giai đoạn 1)	1,44	0,97	0,47	Công trình dạng tuyến	Lạc An	Ngân sách
15	Nâng cấp BTXM đường Tân Mỹ 01	0,60		0,60	Công trình dạng tuyến	Tân Mỹ	Ngân sách
16	Nâng cấp BTXM đường Thường Tân 21, Thường Tân 24	0,55		0,55	Công trình dạng tuyến	Thường Tân	Ngân sách

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã	
A.2	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ 02 NĂM	69,70	1,20	68,50			
I	Thành phố Thủ Dầu Một	27,15	0,00	27,15			
1	Trục thoát nước suối Giữa (đoạn từ sau trạm thu phí đến cầu Bà Cô, bao gồm cả rạch Bung Cầu)	24,30		24,30		Định Hòa, Hiệp An, Tương Bình Hiệp, Chánh Mỹ	Ngân sách
2	Đầu tư giải quyết điểm ngập lưu vực rạch Ông Đành (từ Đại lộ Bình Dương đến sông Sài Gòn)	0,62		0,62		Hiệp Thành	Ngân sách
3	Nâng cấp, mở rộng đường liên ranh Phú Mỹ-Phú Tân	0,13		0,13		Phú Mỹ	Ngân sách
4	Nâng cấp mở rộng đường ĐX61	1,43		1,43		Định Hòa	Ngân sách
5	Cải tạo, chỉnh trang giao lộ đường Bùi Văn Bình - đường Phú Lợi thành phố Thủ Dầu Một	0,03		0,03		Phú Lợi	Ngân sách
6	Trạm 110 kV T3 và đường dây 110kV T3 trạm 220kV Tân Định	0,64		0,64		Phú Tân	Doanh nghiệp
II	Thành phố Thuận An	1,32	0,00	1,32			
1	Nâng cấp, mở rộng đường Bình Nhâm 90	1,08		1,08	Công trình dạng tuyến	Bình Nhâm	Ngân sách
2	Xây dựng tuyến nhánh đường Hưng Định 01 (giai đoạn 2)	0,22		0,22	Công trình dạng tuyến	Hưng Định	Ngân sách
3	Xây dựng mới Văn phòng khu phố Bình Phước	0,02		0,02		Bình Nhâm	Ngân sách
III	Thành phố Tân Uyên	1,52	0,57	0,95			
1	Nâng cấp bê tông nhựa nóng và xây dựng hệ thống thoát nước tuyến đường Uyên Hưng 24 (đoạn từ đất ông Bình đến giáp đường Uyên Hưng 27), phường Uyên Hưng	1,02	0,57	0,45	Công trình dạng tuyến	Uyên Hưng	Ngân sách
2	Nâng cấp BTNN và xây dựng HTTN tuyến đường từ đất ông Nguyễn Văn Tám (Điều Hòa) đến khu tái định cư (ấp Điều Hòa)	0,50		0,50	Công trình dạng tuyến	Bạch Đằng	Ngân sách

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã	
IV	Thành phố Bến Cát	7,36	0,00	7,36			
1	Nâng cấp BTNN tuyến đường từ chùa Hưng Tân Tự đến nhà ông Kim	0,03		0,03	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách
2	Nâng cấp BTNN tuyến đường từ nhà ông 5 Mắm đến nhà ông Út Mái	0,02		0,02	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách
3	Nâng cấp tuyến đường từ nhà ông Út Nơ đến bà Hương	0,02		0,02	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách
4	Nâng cấp tuyến đường từ nhà ông Út Nơ đến nhà ông Nga	0,09		0,09	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách
5	Nghĩa trang nhân dân thị xã Bến Cát (giáp huyện Dầu Tiếng)	7,20		7,20	Tờ 3, thửa 149, 1 phần thửa 152	An Điền	Ngân sách
V	Huyện Phú Giáo	0,29	0,00	0,29			
1	Nâng cấp bê tông xi măng hẻm 06, đường 1/5, Khu phố 6	0,18		0,18	Công trình dạng tuyến	Phước Vĩnh	Ngân sách
2	Phân pha dây dẫn đường dây 110kV Trị An - Phú Giáo	0,11		0,11	Công trình dạng tuyến	Phước Hòa, Tam Lập, Vĩnh Hòa	Ngoài ngân sách
VI	Huyện Dầu Tiếng	6,39	0,00	6,39			
1	Đường GTNT từ đường N1 đến đường ĐH 711 ấp Chợ, xã Thanh Tuyền	0,02		0,02	Công trình dạng tuyến	Thanh Tuyền	Ngân sách
2	Đầu tư nâng cấp, mở rộng, mở mới tuyến đường GTNT ấp Đất Đỏ (đoạn từ ĐT 748 đến nhà ông 3 Lưới)	0,20		0,20	Công trình dạng tuyến	An Lập	Ngân sách
3	Nâng cấp Bê tông nhựa đường GTNT (từ ĐT 749A đến nhà bà Hoàng) ấp Cống Queo, xã Long Tân	0,16		0,16	Công trình dạng tuyến	Long Tân	Ngân sách
4	Đầu tư nâng cấp đường GTNT ĐX6 xã An Lập (đoạn từ ĐT748 lô 57, 58 Nông trường cao su An Lập) và tuyến cống thoát nước ĐX6 ra cống Hồ Cạn của công ty TNHH TM Nam An Bình Dương)	1,00		1,00	Công trình dạng tuyến	An Lập	Ngân sách

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã	
5	Nâng cấp, mở rộng, mở mới đường GTNT ấp Phú Bình (đoạn từ Nhà Ông Sang đến nhà Bà Ngợi)	0,20		0,20	Công trình dạng tuyến	An Lập	Ngân sách
6	Chợ An Lập (giai đoạn 2)	2,10		2,10	Tờ bản đồ số 32	An Lập	Ngân sách
7	Hệ thống xử lý nước thải thị trấn Dầu Tiếng	1,70		1,70	Tờ bản đồ số 30	Dầu Tiếng	Ngân sách
8	Nhà máy nước Dầu Tiếng	1,01		1,01	Tờ bản đồ số 21	Dầu Tiếng	Doanh Nghiep
IV	Huyện Bắc Tân Uyên	25,67	0,63	25,04			
1	Tuyến đường dọc Sông Bé huyện Bắc Tân Uyên	25,30	0,63	24,67	Công trình dạng tuyến	Hiếu Liêm, Tân Định	Ngân sách tỉnh
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Tái định cư huyện Bắc Tân Uyên (phân phát sinh)	0,37		0,37	Công trình dạng tuyến	Đất Cuốc	Ngân sách
B	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÔNG PHẢI CHUYỂN TIẾP THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT ĐẤT ĐẠI NĂM 2024 (KHÔNG PHẢI TRÌNH HĐND TỈNH)	659,31	0,88	658,43			
I	Thành phố Thủ Dầu Một	2,04		2,04			
1	Dự án thành phần 1: Giải phóng mặt bằng đường Vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh đoạn từ Cầu Thủ Biên - sông Sài Gòn	2,04		2,04	Công trình dạng tuyến	Hòa Phú	Ngân sách
II	Thành phố Thuận An	15,00		15,00			
1	Cải tạo, mở rộng quốc lộ 13 (đoạn từ công chào Vĩnh Phú đến điểm giao với đường Lê Hồng Phong và mở rộng các nút giao)	15,00		15,00	Công trình dạng tuyến	An Thạnh, Bình Hoà, Hưng Định, Lái Thiêu, Thuận Giao, Vĩnh Phú	Ngân sách

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã	
III	Thành phố Tân Uyên	212,00		212,00			
1	Dự án thành phần 1: Giải phóng mặt bằng đường Vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh đoạn từ cầu Thủ Biên - sông Sài Gòn	115,00ha <i>(trong đó có 2,42ha đất trồng lúa)</i>		115,00ha <i>(trong đó có 2,42ha đất trồng lúa)</i>	Công trình dạng tuyến	Uyên Hưng, Hội Nghĩa, Vĩnh Tân	Ngân sách
2	Dự án thành phần 1: Giải phóng mặt bằng đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành - đoạn qua tỉnh Bình Dương	97ha <i>(trong đó có 36,45ha đất trồng lúa)</i>		97ha <i>(trong đó có 36,45ha đất trồng lúa)</i>	Công trình dạng tuyến	Tân Phước Khánh, Tân Vĩnh Hiệp, Tân Hiệp, Phú Chánh, Vĩnh Tân	Ngân sách
IV	Thành phố Bến Cát	103,56		103,56			
1	Dự án thành phần 1: Giải phóng mặt bằng đường vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh đoạn từ cầu Thủ Biên - sông Sài Gòn	103,56ha <i>(trong đó có 10,1ha đất trồng lúa)</i>		103,56ha <i>(trong đó có 10,1ha đất trồng lúa)</i>	Công trình dạng tuyến	Hoà Lợi, Thới Hoà, An Điền, An Tây	Ngân sách
V	Huyện Bàu Bàng	82,77	0,88	81,89			
1	Dự án thành phần 1: Giải phóng mặt bằng đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành - đoạn qua tỉnh Bình Dương	9,19		9,19	Công trình dạng tuyến	Hung Hòa	Ngân sách
2	Các tuyến đường lô nông trường do công ty cao su bàn giao lại địa phương	5,30		5,30	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 1,2,3,8,9,11,20,21,38	Lai Uyên	Ngân sách
3	Các tuyến đường lô nông trường do công ty cao su bàn giao lại địa phương	7,90		7,90	Công trình dạng tuyến	Hung Hòa	Ngân sách
4	Các tuyến đường lô nông trường do công ty cao su bàn giao lại địa phương	16,70		16,70	Công trình dạng tuyến	Tân Hưng	Ngân sách
5	Các tuyến đường lô nông trường do công ty cao su bàn giao lại địa phương	1,70		1,70	Công trình dạng tuyến	Cây Trường II	Ngân sách
6	Các tuyến đường lô nông trường do Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam bàn giao lại địa phương	3,70		3,70	Công trình dạng tuyến	Lai Hưng	Ngân sách

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã	
7	4 tuyến đường giao thông và hồ bơi	3,07		3,07	Công trình dạng tuyến	Lai Hưng	Ngân sách
8	Các tuyến đường lô thuộc nông trường cao su Long Nguyên (do công ty cao su bàn giao lại địa phương)	10,00		10,00	Công trình dạng tuyến	Long Nguyên	Ngân sách
9	Mở rộng Trung tâm văn hóa xã Tân Hưng	1,50		1,50	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 25	Tân Hưng	Ngân sách
10	Tuyến đường kết nối từ khu công nghiệp Bàu Bàng đến đường ĐT 749A	10,95		10,95	Công trình dạng tuyến	Lai Hưng Long Nguyên	Ngân sách
11	Trường mầm non Tân Hưng	2,00		2,00	Thửa đất số 296, tờ bản đồ số 25	Tân Hưng	Ngân sách
12	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Bàu Bàng	4,00		4,00	Một phần thửa đất 5905, tờ bản đồ số 42	Lai Uyên	Ngân sách
13	Đường giao thông nông thôn ấp Hồ Muôn	2,40	0,88	1,52	Công trình dạng tuyến	Long Nguyên	Ngân sách
14	Đường giao thông nông thôn ấp Long Thành	2,40		2,40	Công trình dạng tuyến	Long Nguyên	Ngân sách
15	Nhà làm việc của khối đoàn thể và bộ phận một cửa xã Long Nguyên	0,38		0,38	Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 29	Long Nguyên	Ngân sách
16	Hội trường UBND xã Trừ Văn Thố	0,17		0,17	Thửa đất số 1308, tờ bản đồ số 87	Trừ Văn Thố	Ngân sách
17	Văn phòng ấp Nhà Mát	0,50		0,50	Một phần thửa đất số 10, tờ bản đồ số 73	Long Nguyên	Ngân sách
18	Văn phòng ấp Long Thành (cũ)	0,50		0,50	Một phần thửa đất số 8, tờ bản đồ số 70	Long Nguyên	Ngân sách
19	Văn phòng ấp Long Thành (Trường mầm non Sao Mai)	0,41		0,41	Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 7	Long Nguyên	Ngân sách
VI	Huyện Phú Giáo	185,67		185,67			
1	Dự án thành phần 1: Giải phóng mặt bằng đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành - đoạn qua tỉnh Bình Dương	135,67ha (trong đó có 1,88ha đất trồng lúa)		135,67ha (trong đó có 1,88ha đất trồng lúa)	Công trình dạng tuyến	Phước Hòa, Tân Long, An Long	Ngân sách
2	Cụm công nghiệp Tam Lập 2	50,00		50,00	Một số thửa đất thuộc tờ	Tam Lập	Doanh

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn
					Vị trí: số tờ, thửa bản đồ số 41	Cấp xã	
VII	Huyện Bắc Tân Uyên	58,27		58,27			nghiệp
1	Dự án thành phần 1: Giải phóng mặt bằng đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành - đoạn qua tỉnh Bình Dương	33,67		33,67	Công trình dạng tuyến	Bình Mỹ, Tân Bình	Ngân sách
2	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành Đai 4 thành phố Hồ Chí Minh đoạn từ cầu Thủ Biên - sông Sài Gòn (Giai đoạn 1)	24,6ha <i>(trong đó có 0,34ha đất trồng lúa)</i>		24,6ha <i>(trong đó có 0,34ha đất trồng lúa)</i>	Công trình dạng tuyến	Đất Cuốc; Tân Lập; Bình Mỹ; Thường Tân	Ngân sách
C	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THẨM ĐỊNH LOẠI BỎ THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 7 ĐIỀU 76 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2024	33,77	2,23	31,54			
I	Thành phố Dĩ An	9,65	2,23	7,42			
1	Xây dựng suối Bình Thắng (đoạn từ Đại học Quốc gia đến Quốc lộ 1A)	5,59		5,59	Công trình dạng tuyến	Bình Thắng	Ngân sách
2	Nâng cấp, mở rộng đường An Bình và kết nối cầu vượt Sóng Thần	3,40	1,69	1,71	Công trình dạng tuyến	An Bình	Ngân sách
3	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Quang Diệu	0,66	0,54	0,12	Công trình dạng tuyến	Tân Bình	Xã hội hóa
II	Huyện Bàu Bàng	3,94	0,00	3,94			
1	Nhà thi đấu đa năng	3,00		3,00	Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 47	Lai Hưng	Ngân sách
2	Doanh trại Trung đội dân quân thường trực huyện Bàu Bàng	0,50		0,50	KCN và đô thị Bàu Bàng	Lai Uyên	Ngân sách
3	Văn phòng khu phố Bàu Bàng	0,05		0,05	Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 54	Lai Uyên	Ngân sách
4	Văn phòng khu phố Đồng Chèo	0,31		0,31	Một phần thửa đất số 87,	Lai Uyên	Ngân sách

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn
					Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã	
					tờ bản đồ số 38		
5	Văn phòng khu phố Đồng Sỏ	0,08		0,08	Thửa đất số 2197, tờ bản đồ số 56	Lai Uyên	Ngân sách
III	Huyện Bắc Tân Uyên	20,18	0,00	20,18			
1	Xây dựng mới đường ĐH.429 (đường ĐT 745B trong QH vùng huyện)	20,05		20,05	Công trình dạng tuyến	Bình Mỹ, Tân Lập, Tân Thành	Ngân sách
2	Xây dựng công viên Thị trấn Tân Thành (trường Hoa Phong Lan cũ)	0,13		0,13	Một phần thửa đất 170, tờ bản đồ số 7	Tân Thành	Ngân sách
	TỔNG (A + B + C)	778,05	12,35	770,77			